CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

TRỤ SỞ GIAO DỊCH
Địa chỉ: Tầng 8, Tháp C - Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú
Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CHI NHÁNH
Địa chỉ: Tầng 2, Số 11 Đường 69, Khu Dân Cư Huy Hoàng,
Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
Thôn Thọ Bình – Xã Tân Dân –Huyện Khoái Châu –Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 024.3540.2246
Email: info@hvcgroup.net

ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ
HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ





MỤC LỤC

01. THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT 04
02. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI 06
03. GIỚI THIỆU CÔNG TY 08
04. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 10
05. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG 12
06. CƠ CẤU TỔ CHỨC 20
07. CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM 22
08. CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU 26
09. THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI 34
10. BÁO CÁO CỦA HĐQT 36
11. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 46
12. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 50
13. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 56
14. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 71



Thông điệp
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Ông Trần Hữu Đông
Chủ tịch HĐQT

ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đơn vị đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên!

Năm 2020 là một năm đầy thách thức, khó khăn và bất ổn do dịch bệnh COVID-19 gây ra với những thay đổi mạnh mẽ tới cuộc sống của hàng tỷ người trên toàn thế giới, cũng như tác động tới môi trường kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ nền kinh tế.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tổng thầu cơ điện M&E và thiết bị vui chơi giải trí những nghành nghề bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi dịch bệnh, **HVC group** đã không hoàn thành mục tiêu đặt ra. Cụ thể doanh thu đạt 80% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 72% so với kế hoạch. Tuy nhiên so với các doanh nghiệp cùng nghành nghề có thể nói **HVC Group** đã vượt "bão Covid" an toàn và điều đó cũng cho thấy nội lực mạnh mẽ của công ty khi phải đương đầu với sự cố đặc biệt như thế này. Với kinh nghiệm này, chúng ta có thể hoàn toàn tin tưởng sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 với công ty trong năm 2021 và những năm tiếp theo sẽ ngày càng ít đi. Đặc biệt năm 2020, tổ chức Vietnam Report đã nghiên cứu và đánh giá độc lập và xếp hạng HVC Group nằm trong Top 5 các tổng thầu cơ điện uy tín nhất tại Việt Nam. Điều đó cho thấy công ty sẽ có thế mạnh rất lớn khi tham gia cạnh tranh cái gói thầu quy mô lớn trong tương lai.

Năm 2021 là năm kỷ niệm **10 năm thành lập HVC Group**, với những kết quả đã đạt được tuy chưa phải là thành tích quá đặc biệt nhưng rất đáng tự hào. Đây sẽ là bệ phóng để **HVC Group** tiếp tục phát triển nhanh hơn trong thời gian tới. Có thể khẳng định **HVC Group** đã có đủ uy tín, năng lực, thương hiệu và kinh nghiệm để sẵn sàng bứt phá đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển và thịnh vượng hơn qua đó mang lại quyền lợi cho cổ đông cho cán bộ công nhân viên công ty và quý khách hàng. Đây cũng là mục tiêu cao nhất mà Hội Đồng Quản Trị và lãnh đạo công ty quyết tâm thực hiện trong thời gian tới.

Chúng tôi rất trân trọng sự đồng hành và mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ giúp đỡ nhiều hơn của Quý cổ đông, Quý khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trần Hữu Đông

02 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

HVC Group đặt mục tiêu trở thành Tập đoàn tư nhân về thiết bị vui chơi giải trí và tổng thầu cơ điện; nằm trong TOp 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam vào năm 2023 (sau 12 năm xây dựng và phát triển).

SỨ MỆNH

Đối với thị trường: Cung cấp các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao mang tính khác biệt

Đối với người lao động: Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp và nhân văn, có thu nhập cao, có cơ hội phát triển công bằng cho tất cả người lao động.

Đối với Cổ đông và đối tác: Chia sẻ cơ hội, chia sẻ quyền lợi và hợp tác thành công.

Đối với xã hội: Hài hòa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích xã hội, chung tay cùng các hoạt động hướng về cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI UY TÍN - SÁNG TẠO - TRÁCH NHIỆM

UY TÍN: Chính là danh dự của Doanh nghiệp. HVC Group luôn nỗ lực để thực hiện đúng cam kết

SÁNG TẠO: HVC Group xác định SÁNG TẠO là con đường ngắn nhất để làm giá trị gia tăng cao nhất. SÁNG TẠO là để tạo ra sự khác biệt về giá trị.

TRÁCH NHIỆM: Trách nhiệm là việc cần phải có trong mọi hoạt động đời sống xã hội, còn riêng trong công việc muốn hạn chế rủi ro thì việc quan trọng nhất là phải nâng cao tinh thần trách nhiệm.



HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI

10 năm phát triển là 10 năm đổi mới liên tục của HVC Group, từ một công ty thương mại chúng tôi đã vươn lên trở thành một trong những tổng thầu uy tín nhất tại Việt Nam trong lĩnh vực Cơ điện và thiết bị vui chơi giải trí cao cấp. Chúng tôi hiểu rằng, chỉ có đổi mới sáng tạo mới đem lại thành công. HVC Group đổi mới không ngừng từ sản phẩm, quy trình vận hành, nhân sự, công nghệ, môi trường kinh doanh, để mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng- hướng tới trở thành TOP những doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam và vươn tầm Quốc tế

ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

- Tên Tiếng Anh: HVC Investment and Technology JSC
- Tên viết tắt: HVC Group
- Vốn điều lệ: 369.499.950.000 VNĐ

  Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi chín tỷ, bốn trăn chín mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng
- Mã số thuế: 0104606490
- Trụ sở chính: Tầng 8, Tháp C - Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Phường Mộ Lao Quận Hà Đông, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024.3540.2246
- Website: www.hvcgroup.net
- Email: info@hvcgroup.net
- Đăng ký lần đầu: Ngày 23/04/2010
- Thời điểm niêm yết: ngày 30/11/2018 tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo quyết định số 475/QĐ- SGDHCM
- Mã Chứng khoán: HVH



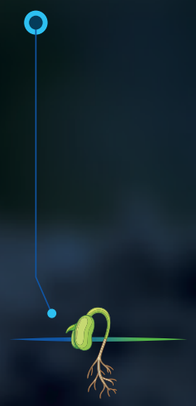
2011

Công ty Cổ phần đầu tư và Công nghệ HVC (HVC Group) thành lập ngày 21 tháng 03 năm 2011 dưới hình thức công ty Cổ phần địa chỉ tại Tầng 8, Tháp C - Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. HVC Group hoạt động trong lĩnh vực Tổng thầu thiết bị vui chơi giải trí cao cấp (Thiết kế thi công bể bơi, Công viên nước, Đài phun nước, thủy cung đại dương, sân trượt băng nghệ thuật, công nghệ xử lý nước cao cấp, ...)

2017

HVC Group mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chính thức tham gia vào thị trường tổng thầu cơ điện M&E và tự tin thi công nhiều dự án lớn như Vinhomes Riverside The Harmony, Vinmart - Vincom Hà Tĩnh, Vinhomes Imperia Hải Phòng, Vinpearl Nam Hội An, Trường Quốc tế song ngữ Học viện Anh quốc - UK Academy (UKA) Hạ Long, Vinhomes Ocean Park; Vihomes Smart City Tây Mỗ - Đại Mỗ; Vinhomes Grand Park…

Rất nhanh chóng, sau 3 năm gia nhập thị trường, HVC đã được bình chọn là TOP 5 nhà thầu cơ điện uy tín





2018

• Ngày 13/05 Nhà máy sản xuất thiết bị HVC đi vào hoạt động

• Ngày 15/09 thành lập công ty TNHH Tổng thầu cơ điện HVC

• Ngày 30/11 Cổ phiếu HVC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HVH.

• Được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen vì thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh.

• Tổng tài sản tăng 26% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế thu về cũng cao hơn gấp 3 lần so với năm 2017

• Ngày 23/12 thương hiệu HVC được vinh danh tại giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.

2019 - NAY

• Thành lập Công Ty TNHH Thiết Bị Vui Chơi Giải Trí HVC Park

• Đầu tư hệ thống máy móc hiện đại cho nhà máy sản xuất, đưa công nghệ mới vào thiết kế thi công công trình, quản trị Doanh nghiệp. Mở rộng lĩnh vực hoạt động với các công nghệ mới

• Khẳng định vị thế trên thị trường với vị trí TOP 5 ngành tổng thầu cơ điện. Giữ vững vị thế là đơn bị đứng đầu ngành thiết bị vui chơi giải trí cao cấp.

• TOP 500 Doanh nghiệp có tốc độ phát triển nhanh nhất năm 2020 (thứ hạng 101), năm 2021 (Thứ hạng 130)

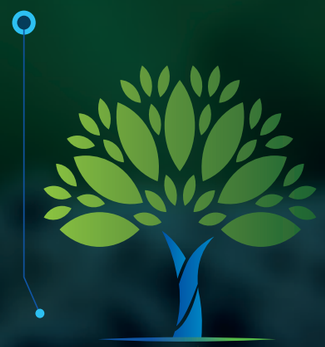
• Liên tục được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen vì thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh

• Tiếp tục duy trì tài chính vững mạnh.

• Mở rộng quan hệ với nhiều đối tác mới như Sunshine, Bitexco, Alma, Sigma, Suối Tiên, DETA, Thang Long Invest Group ... bên cạnh việc duy trì mối quan hệ hợp tác tốt đẹp và lâu dài với các tập đoàn Vingroup, Sun Group, Mường Thanh.

• Tiếp tục mở rộng hợp tác Quốc tế.





05 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- **Tổng thầu cơ điện M&E**

HVC Group là tổng thầu cơ điện đa năng với nhiều loại hình thi công như Cơ điện tòa nhà cao tầng, cơ điện hầm, cơ điện hạ tầng, cơ điện trung tâm thương mại.

HVC hiện là TOP 5 nhà thầu cơ điện uy tín nhất Việt Nam

- **Các dự án tiêu biểu:**

Vinhomes Riverside The Harmony, Vinmart - Vincom Hà Tĩnh, Vinpearl Cửa Sót, Vinhomes Golden River, Imperia Hải Phòng, Vinpearl Nam Hội An, Trường Quốc tế song ngữ Học viện Anh quốc - UK Academy (UKA) Hạ Long, Tòa nhà trung tâm thương mại và văn phòng Vạn Phúc 20 tầng, Thi công cơ điện hạ tầng và tổng thầu cơ điện tòa tháp căn hộ tại đại dự án Vincity Ocean Park, Vinhomes Grand Park, …



Vinhomes Smart City - một trong số các dự án HVC Group là tổng thầu cơ điện



ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

- **Thiết kế, thi công bể bơi, đài phun nghệ thuật**

Đứng đầu về số lượng bể bơi hoàn thành, nắm giữ kỹ thuật tiên tiến và đội ngũ nhân sự chất lượng nhất, HVC Group tự hào là **đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tổng thầu thiết kế - cung cấp - thi công lắp đặt bể bơi.**

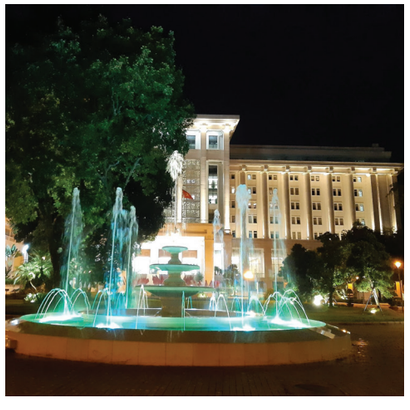
Một số **dự án bể bơi tiêu biểu** đó là: Bể bơi vô cực lớn nhất thủ đô tại dự án Vinhomes Reverside (Long Biên); Bể bơi vô cực tại dự án Premier Village Phú Quốc thuộc sở hữu của tập đoàn Sun Group; Bể bơi Dusit Princess Moonrise Beach Resort (Phú Quốc), bể bơi trong hệ thống Trường liên cấp Vinschool; các bể bơi trong hệ thống khách sạn 5 sao của tập đoàn VinGroup...

HVC Group cũng là đơn vị tư vấn thiết kế, thiết kế, thi công, lắp đặt và cung cấp thiết bị đài phun nước nghệ thuật hàng đầu Việt Nam.

Một số **dự án đài phun nước nghệ thuật tiêu biểu**: Đài phun nước giữa hồ dự án Vinhomes Imperia Hải Phòng; đài phun nước con thuyền Vinhomes Ocean Park; đài phun Văn Phòng Chính Phủ







05 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

• Thiết kế, thi công công viên nước

HVC Group giữ vị trí tiên phong về lĩnh vực thiết kế, cung cấp, thi công lắp đặt công viên nước. Tính đến hết năm 2020, HVC Group đã lắp đặt hoàn thiện gần 30 công viên nước, chiếm quá nửa số công viên nước đang có tại Việt Nam.

Toàn bộ thiết bị HVC sử dụng tại các công trình công viên nước được nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Italia, Thái Lan, Hong Kong… - những nơi có nền công nghệ hiện đại, tân tiến nhất. Hệ thống lọc và xử lý nước được thiết kế với công nghệ lọc tuần hoàn, hệ thống khử trùng hiện đại đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng.

HVC đã hoàn thành một loạt các công trình như: Công viên nước Mường Thanh tại Nghệ An, công viên nước khu du lịch sinh thái núi Thần Tài (Đà Nẵng), công viên nước lớn nhất Việt Nam tại Vinpearl Phú Quốc, công viên nước hiện đại bậc nhất Đông Nam Á của tập đoàn Sungroup tại thành phố Hạ Long (Quảng Ninh); Công viên nước Nam Hội An, Công viên nước Sơn Tiên (Đồng Nai); Công viên nước Thanh Long (An Giang); Công viên nước Mikazuki (Đà Nẵng); Công viên nước Alma



ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

• Thiết kế thi công công viên giải trí

Với mục tiêu trở thành đơn vị tiên phong dẫn đầu thị trường thiết bị trò chơi cao cấp, HVC Group đang từng bước khẳng định vị thế bằng việc bắt tay hợp tác cùng các tập đoàn thiết bị vui chơi giải trí hàng đầu thế giới nhằm mang đến cho thị trường Việt Nam những công trình công viên giải trí mang tầm vóc quốc tế và mang đến cho người dân trải nghiệm mới lạ, tuyệt vời.

Dự án tiêu biểu công viên giải trí: Công viên Vinpearl Land Phú Quốc; Công viên giải trí Phú Cường Land (Kiên Giang)





05 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

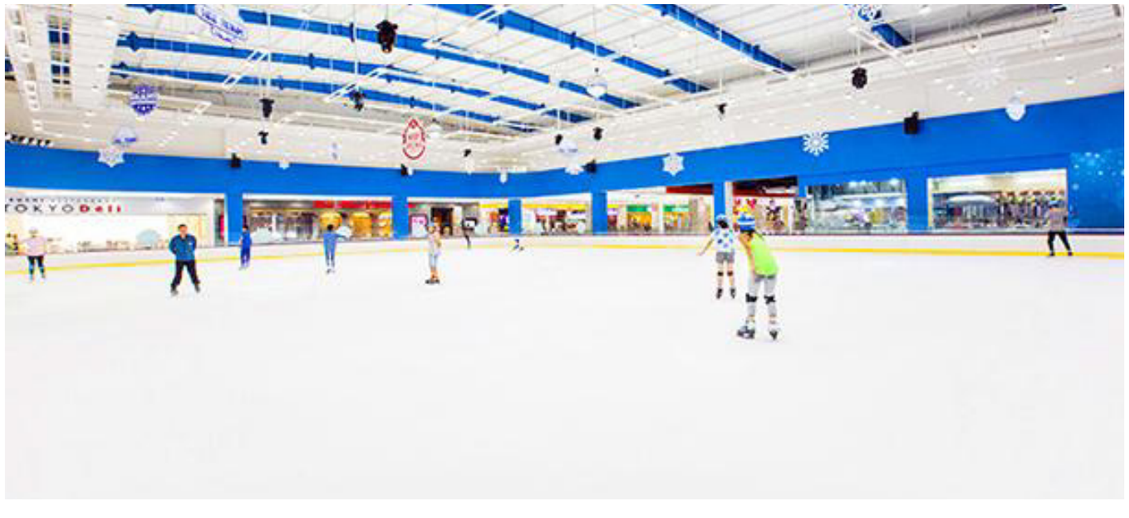
• Thiết kế, thi công sân trượt băng nghệ thuật

Luôn đi tiên phong trong việc phát triển công nghệ mới, HVC Group tự hào là công ty đầu tiên và số 1 tại Đông Nam Á trong tư vấn, thiết kế, cung cấp thiết bị và xây lắp sân trượt băng.

Các sân trượt băng do HVC Group thực hiện được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế, có thể tổ chức những buổi biểu diễn nghệ thuật và các cuộc thi tầm cỡ liên châu lục. Công nghệ và thiết bị phục vụ các công trình được HVC Group nhập khẩu từ Châu Âu, Mỹ với tiêu chuẩn kỹ thuật và độ an toàn cao.

Các công trình tiêu biểu HVC Group thực hiện có thể kể tên như: Sân trượt băng nghệ thuật tại tòa nhà Lanmark 81 - Dự án Vinhomes Centre Park; tại Vincom Mega Mall Thảo Điền; tại TTTM Vincom Biên Hoà; TTTM Vincom Cần Thơ; TTTM Vincom Đà Nẵng; TTTM Vincom Hạ Long, ...





ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

• Nhập khẩu, phân phối thiết bị xử lý nước

Với mong muốn góp phần làm nên một Việt Nam xanh - sạch - đẹp, HVC Group đã đang và sẽ nỗ lực hết mình để mang đến cho quý khách hàng những giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại, kinh tế nhất trong lĩnh vực xử lý nước theo tiêu chuẩn EU và G7.

Hiện công ty đang cung cấp các dịch vụ:

- Tư vấn, cung cấp và lắp đặt các công nghệ xử lý nước như: hệ thống xử lý nước thải, nước cấp, nước bể bơi, thiết bị công viên nước, thiết bị thủy cung , các thiết bị xử lý nước khác, ...
- Cung cấp các loại hóa chất phục vụ xử lý nước thải và làm sạch môi trường.





05 LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

• Thiết kế, thi công thủy cung đại dương

HVC Group tự hào là đơn vị tiên phong và duy nhất ở Việt Nam có đủ năng lực thực hiện tư vấn giải pháp, thiết kế, cung cấp và lắp đặt thiết bị thủy cung đại dương - một lĩnh vực hoàn toàn mới đòi hỏi công nghệ chuyên biệt.

Chúng tôi rất tự hào là đơn vị thực hiện thủy cung Time City, Thủy cung Vinpearl Phú Quốc- là những thủy cung lớn nhất ở Việt Nam tính đến thời điểm hiện tại.

Việc dấn thân và thành công với thủy cung đại dương - một lĩnh vực vô cùng mới mẻ, không chỉ là cơ hội để HVC Group khẳng định uy tín, vị thế trên thị trường, còn giúp người dân Việt Nam có những trải nghiệm thú vị về thế giới sinh vật giữa lòng đại dương bao la.





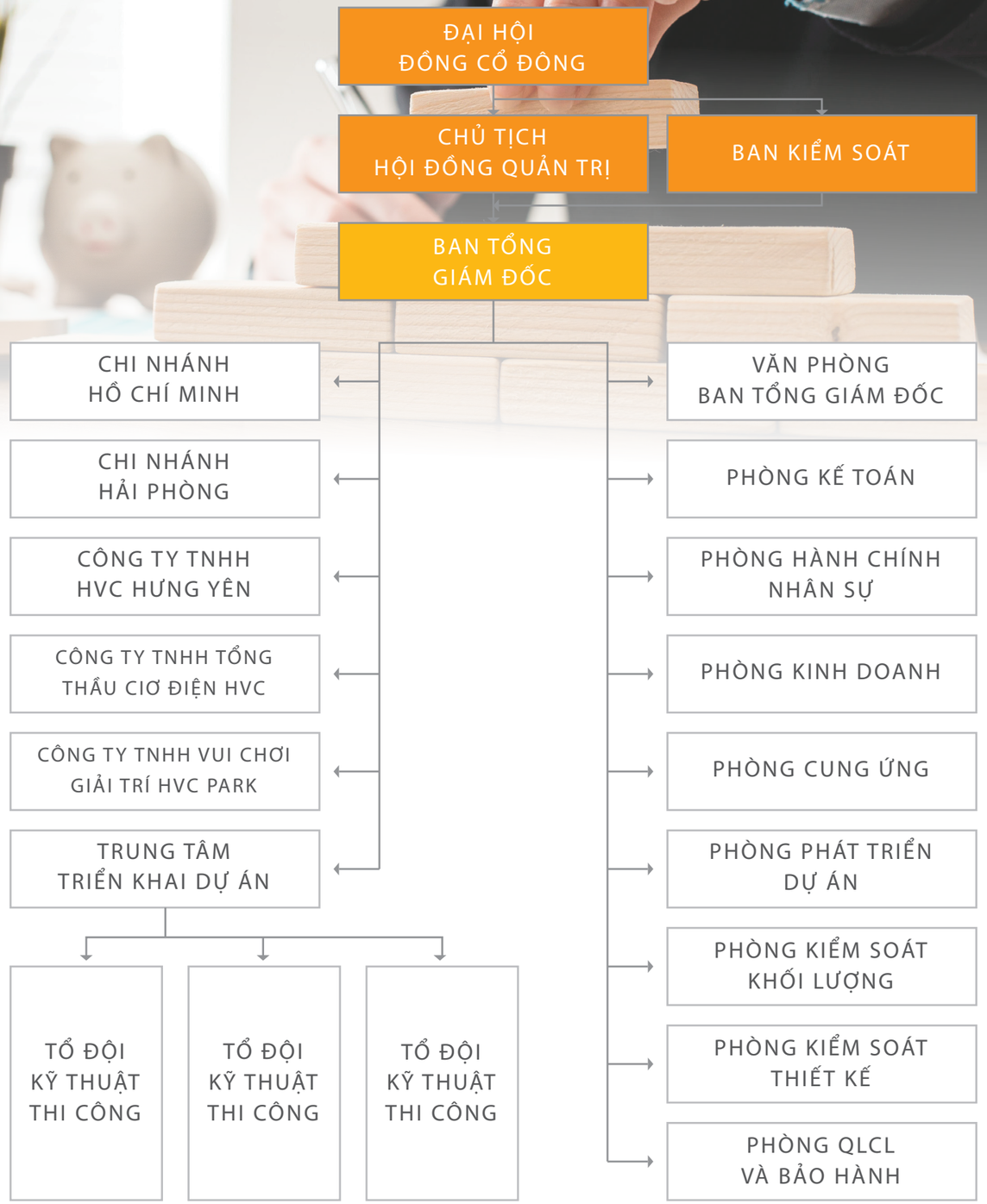
ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

• Sản xuất tủ điện, ống gió, thang máng cáp

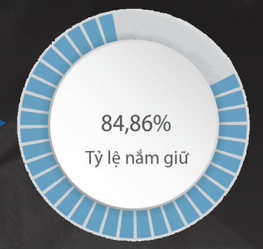
Sản phẩm tủ điện, ống gió, thang máng cáp được sản xuất tại Công ty TNHH HVC Hưng Yên (tên gọi tắt: Nhà máy HVC Hưng Yên) – Công ty trực thuộc Công ty cổ phần đầu tư và công nghệ HVC. Nhà máy chuyên sản xuất ống gió và phụ kiện ống gió (ống gió xoắn, ống gió tròn, ống gió vuông, cửa gió và phụ kiện ống gió, van gió các loại); Chế tạo lắp đặt thang mang cáp, máng cáp. Nhà máy HVC Hưng Yên có hệ thống dây chuyền sản xuất thiết bị đồng bộ và tự động hóa, đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000 mọi sản phẩm khi tới tay các nhà thầu đều được kiểm duyệt chặt chẽ qua các kỹ sư chuyên nghiệp, với tay nghề chuyên môn cao. Sản phẩm có mẫu mã, kích thước đa dạng, được thiết kế theo tiêu chuẩn ISO. Các sản phẩm do Công ty sản xuất đã được các bạn hàng trên khắp cả nước tín nhiệm sử dụng cho các công trình lớn của các tập đoàn như: Vingroup, Sungroup, Mường Thanh, An Lạc, Bitexco, Shunshine, Apec,... ngoài ra các sản phẩm cũng được lắp đặt tại rất nhiều nhà xưởng, nhà máy trong cả nước.



06 CƠ CẤU TỔ CHỨC



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT



CÔNG TY TNHH HVC HƯNG YÊN

Vốn điều lệ Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 11/01/2016 70.000.000.000 VNĐ (bảy mươi tỷ đồng).

Ngành nghề Sản xuất tủ điện; ống gió và phụ kiện ống gió; Chế tạo lắp đặt thang mang cáp, máng cáp,...

Địa điểm Xã Tân Dân, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

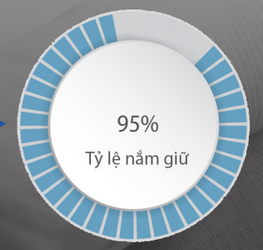
Tổng vốn đầu tư 46.000.000.000 VNĐ (bốn mươi sáu tỷ đồng).



CÔNG TY TNHH TỔNG THẦU CƠ ĐIỆN

Địa chỉ Tầng 8, Tháp C - Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng).



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VUI CHƠI GIẢI TRÍ HVC PARK

Địa chỉ Tầng 8, Tháp C - Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ 30.000.000.000 VNĐ (ba mươi tỷ đồng).

07 CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM

1. Lĩnh vực cơ điện bứt phá mạnh mẽ

Đánh dấu 1 năm bứt phá của HVC Group khi được đánh giá bình chọn Top 5 nhà thầu cơ điện uy tín nhất Việt Nam. Trong bối cảnh ảnh hưởng bởi covid 19, việc công ty công ty ghi danh BXH chứng tỏ sự quyết tâm, cố gắng phát triển bền vững của công ty (Giải thưởng do công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam phối hợp cùng báo Vietnamnet khảo sát và bình chọn).



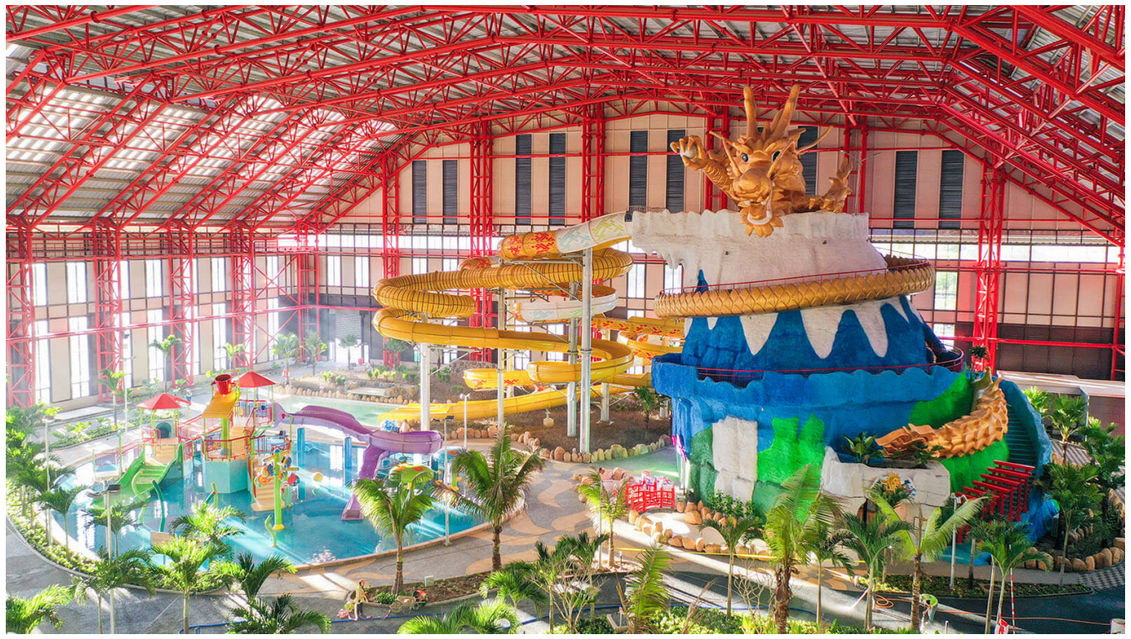
Năm 2020 cũng là 1 năm nhiều dấu ấn với ngành cơ điện HVC khi công ty liên tiếp trúng thầu nhiều dự án lớn, đặc biệt là các dự án cơ điện cao tầng tại: Khách sạn cao cấp 4 sao Mỹ An (Huế); Dự án Vinhomes Smart City Tây Mỗ - Đại Mỗ; Dự án Vinhomes Grand Park (TP Hồ Chí Minh), Dự án Vân Canh An Lạc...



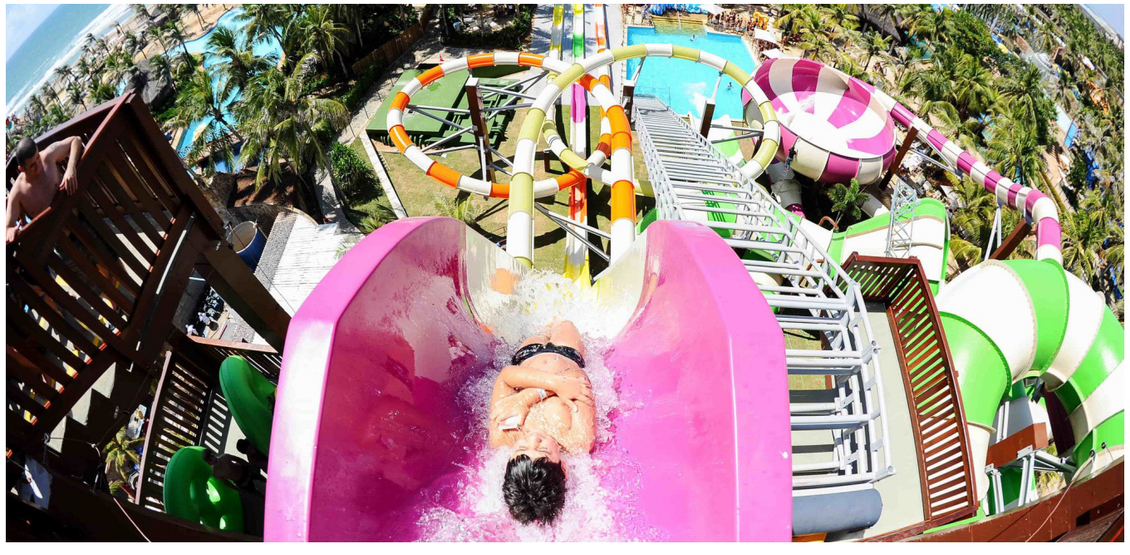
ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

2. Tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trong ngành thiết bị vui chơi giải trí

Hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư nhiều Dự án công viên nước: Công viên nước Vinpearl Land mở rộng tại Phú Quốc; Công Viên Nước Thanh Long (An Giiang); Công viên nước Mikazuki Đà Nẵng; công viên nước Alma Khánh Hòa.

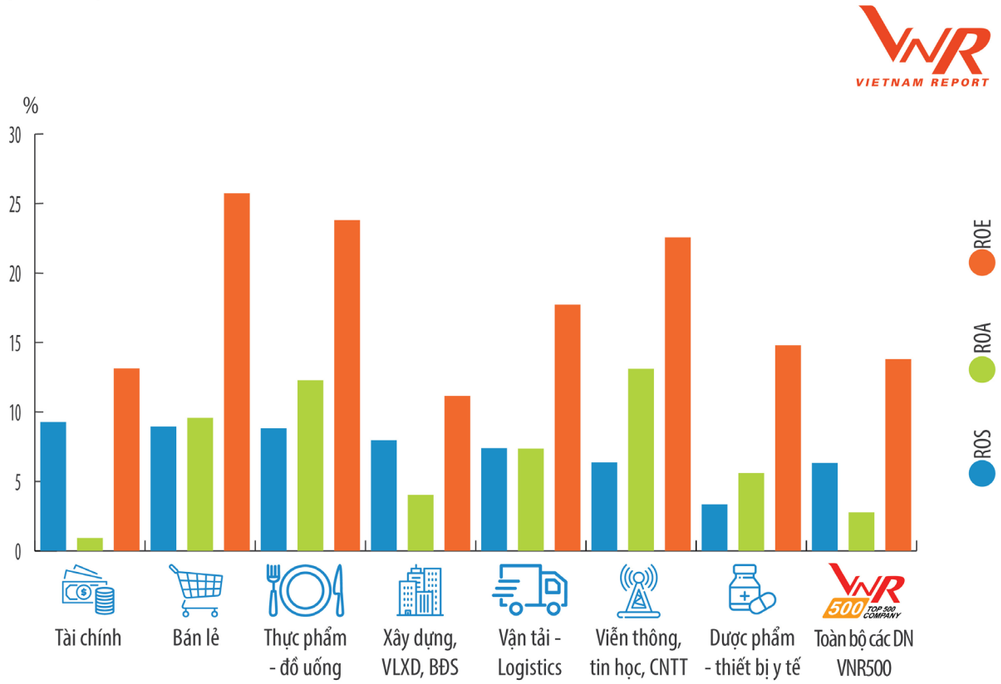


Tiếp tục thi công dự án Công viên nước Sơn Tiên (Đồng Nai) bên cạnh 1 loạt đài phun nước cùng các bể bơi tại dự án như: Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm; Bể bơi dự án chung cư Sunshine City; các bể bơi đại dự án Vinhomes Ocean Park....



3. Là doanh nghiệp được vinh danh có tốc độ phát triển nhanh nhất:

Liên tiếp 2 năm liền HVC Group là Doanh nghiệp được vinh danh TOP 500 Doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (thứ tự lần lượt là 101 và 130).



4. Tăng cường các hoạt động từ thiện vì cộng đồng – Chung tay vì cộng đồng

Bên cạnh đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, HVC Group luôn thực hiện trách nhiệm với cộng đồng bằng các hoạt động thiết thực như: Đóng góp vào các Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào lũ lụt, Đóng góp xây trường cho trẻ em vùng sâu vùng xa, ...





5. Phát triển công nghệ trong Thi công – Sản Xuất và Quản trị Doanh nghiệp

Bên cạnh việc chú trọng vào kinh doanh nhằm tăng doanh thu, HVC Group không ngừng đầu tư vào công nghệ mới trong thi công và Quản trị doanh nghiệp nhằm phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành và thời đại.





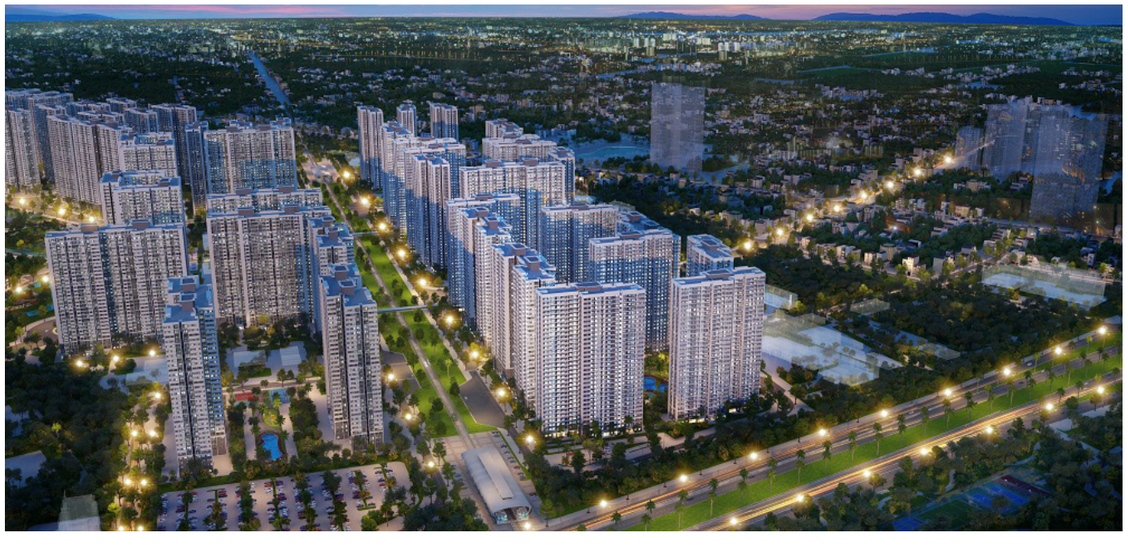
08 CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

Vinhome Smart City Tây Mỗ Đại Mỗ (Hà Nội)

HVC là tổng thầu cơ điện: tòa nhà cao tầng; Hầm CH02, trạm xử lý nước thải, khu nhà Golf và nhiều hạng mục khác. Bên cạnh đó HVC cũng là nhà thầu của hệ thống tưới cỏ; bể bơi, đài phun nước, sân chơi nước của đại dự án này.

Đại đô thị Vinhomes Smart City là dự án trọng điểm tại Hà Nội áp dụng smarrt vào thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành dựa trên 4 trụ cột cốt lõi: An ninh thông minh, vận hành thông minh, cộng đồng thông minh, căn hộ thông minh.





ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

Vinhomes Grand Park (Thành Phố Hồ Chí Minh)

Tại Vinhomes Grand Park, HVC Group đã hoàn thành các gói thầu bao gồm: Tổng thầu cơ điện tòa nhà S7; Tổng thầu cơ điện M&E hạ tầng phân khu 1, tổng thầu hệ thống các bể bơi phân khu 1, được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng và tiến độ thi công.

Dự án Vinhomes Grand Park do chủ đầu tư Vingroup xây dựng tại phường Long Bình và Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP HCM có quy mô tổng diện tích gần 272 ha gồm phân khu cao tầng và phân khu thấp tầng, tích hợp các loại hình căn hộ cao cấp, shophouse, nhà phố, biệt thự, hệ thống tiện ích như một thành phố thu nhỏ



Tổng thầu cơ điện dự án khách sạn cao cấp 4 sao Mỹ An tại Huế

Khối khách sạn cao cấp 4 sao thuộc dự án Khu nghỉ dưỡng Nước khoáng nóng Mỹ An (thôn Mỹ An, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế). Dự án có quy mô diện tích khoảng 3,5ha với Khu khách sạn 5 tầng 92 phòng ngủ, khu tắm Onsen và spa truyền thống Nhật Bản, khu villa nghỉ dưỡng (6 Villa), nhà hàng ẩm thực Nhật Bản theo tiêu chuẩn 4 sao.



Dự án Khu đô thị Vân Canh - An Lạc

Khu đô thị Vân Canh An Lạc tọa lạc tại Xã Vân Canh – Huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội có tổng diện tích 67ha

HVC Group là nhà thầu cơ điện hạ tầng – cao tầng và các hạng mục tưới cỏ, tường nước của dự án

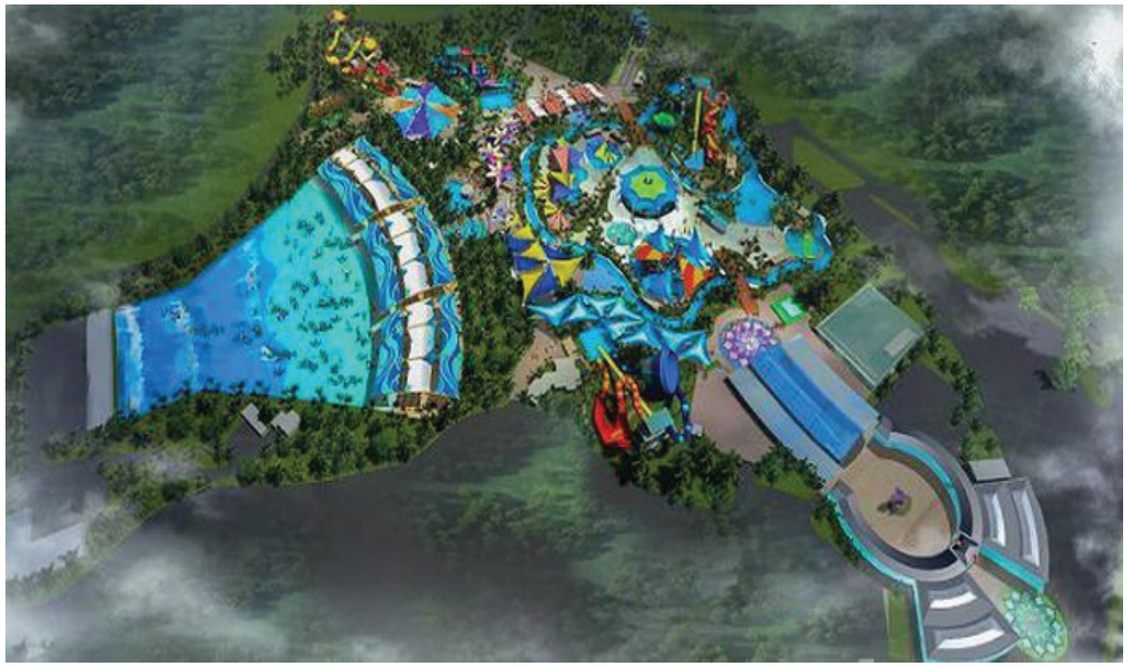




Công viên nước dự án Thành phố du lịch Sơn Tiên

Thành phố Du lịch Sinh thái Sơn Tiên do Công ty CP Thành phố Du lịch sinh thái Sơn Tiên, thành viên của Tập đoàn Suối Tiên làm chủ đầu tư tọa lạc tại xã An Hòa (Thành Phố Biên Hòa).

HVC Group là tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị, lắp đặt thi công hoàn chỉnh, vận hành và chuyển giao công nghệ hạng mục hệ thống lọc và xử lý nước cho tất cả các hạng mục trò chơi công viên nước, Vịnh sóng thần và Dòng sông kỳ diệu; ***hệ thống công nghệ cấp nước cho các đường trượt***





Công viên nước Mikazuki Đà Nẵng

HVC Group đã bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng công viên nước Mikazuki Đà Nẵng thuộc dự án Mikazuki Japanese Resorts & Spa do tập đoàn khách sạn Mikazuki (Nhật Bản) làm chủ đầu tư sớm hơn dự tính.

Siêu dự án Mikazuki Spa & Hotel Resort tọa lạc tại bãi biển du lịch Xuân Thiều phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Tại dự án, HVC Group là tổng thầu cung cấp thiết bị, thi công các hạng mục gồm: Khu vui chơi trong nhà Dome và ngoài trời; Bể bơi, bể cảnh quan, jacuzzi khu khách sạn.





Dự án Vườn Vua Resort & Villas

HVC Group là tổng thầu cung cấp thiết bị, lắp đặt hàng trăm bể bơi cao cấp tại các biệt thự đảo thuộc dự án Vườn Vua Resort & Villas do Tập đoàn Xây dựng Thăng Long - ThangLong Invest Group làm chủ đầu tư.

Vườn Vua Resort & Villas là dự án cao cấp 5 sao có quy mô gần 120ha sau khi được mở rộng, tọa lạc xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Khu nghỉ dưỡng được phát triển theo ý tưởng là một quần thể văn hóa kiến trúc đa sắc màu đặc trưng nhiều vùng miền, kết nối hài hòa khéo léo cùng cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp



Bể bơi 4 mùa đại dự án Vinhomes Ocean Park

HVC được biết đến là nhà thầu thi công quá nửa số bể bơi tại dự án này bao gồm bể bơi 4 mùa, bể bơi ngoài trời, bể bơi thi đấu trong trường đại học VinUni và Trường PT liên cấp Vinschool.





Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm

Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm do Công ty TNHH Madison Land làm chủ đầu tư. Dự án trên diện tích 6ha tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hệ thống bể bơi của dự án bao gồm: 01 bể bơi chính dung tích 806.63 m3; 31 bể bơi thuộc căn Villa loại 1 dung tích 54.72m3 và Jacuzzi key 2 đi kèm có thể tích 3.0m3; 21 bể bơi thuộc căn Villa loại 2 dung tích 45.48m3 và Jacuzzi key 2, Jacuzzi key 3 đi kèm có thể tích 3.0m3.

HVC Group là tổng thầu 4 bể bơi mẫu và 36 bể bơi biệt thự của dự án này.





09 THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI

Trong suốt chặng đường 1 thập kỷ phát triển, HVC Group luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững, xứng đáng với niềm tin của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư. Sự thành công của HVC được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý của nhà nước, nhiều giải thưởng danh giá của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế.

1. Giải thưởng Sao vàng đất Việt

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội

3. Top 5 nhà thầu cơ điện uy tín nhất Việt Nam

4. Top 500 Doanh nghiệp có tốc độ phát triển nhanh nhất Việt Nam (thứ hạng 101)

5. Top 20 sản phẩm vàng Việt Nam (sản phẩm cơ điện)

6. Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2019

7. Các bằng khen của các tổ chức uy tín trong và ngoài nước











ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ



















THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lý lịch tóm tắt thành viên Ban điều hành



Ông TRẦN HỮU ĐÔNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Năm sinh 1982

Quá trình công tác:
- Từ 7/2005- 6/2012: Công ty CP hỗ trợ phát triển công nghệ DETECH
- Từ 7/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

Chức vụ hiện nay:
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ông ĐỖ HUY CƯỜNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Năm sinh 1977

Quá trình công tác:
- Từ 7/2001- 8/2003: Công ty TNHH YAZAKI Vietnam; Từ 9/2003-5/2004: Công ty CP Thép Việt Nhật; Từ 6/2004-12/2006: Công ty TNHH KONYA PAPER Vietnam; Từ 1/2007- 5/2008: Viện nghiên cứu cơ khí; Từ 6/2008-6/2010: Công ty CP KỸ THUẬT ELCOM; Từ 7/2010- 7/2012: Công ty CP Công nghệ môi trường; Từ 8/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

Chức vụ hiện nay:
- Phó chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc



Ông LÊ VĂN CƯỜNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Năm sinh 1985

Quá trình công tác:
- Từ 8/2008- 4/2012: Công ty CP hỗ trợ phát triển công nghệ DETECH
- Từ 5/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

Chức vụ hiện nay:
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Phó Tổng Giám đốc



Ông TRẦN VĂN DUY (Miễn nhiệm từ ngày 24/06/2020)

Thành viên Hội đồng Quản trị
Năm sinh 1987

Quá trình công tác:
- Từ 10/2010- 4/2012: Công ty CP Công nghệ môi trường
- Từ 4/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

Chức vụ hiện nay:
- Đã miễn nhiệm 6/2020



Ông ĐÀO THANH SƠN

Thành viên Hội đồng Quản trị
Năm sinh 1988

Quá trình công tác:
- Từ 10/2010- 2/2017: Công ty TNHH Công nghệ và Đầu tư Thái Sơn
- Từ 3/2017 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

Chức vụ hiện nay:
- Thành viên HĐQT
- Trưởng Phòng Quản lý Chất lượng và Bảo hành



Ông HAIHUI LIU

Thành viên Hội đồng Quản trị
Năm sinh 1984

Quá trình công tác:
- Từ 2008-2012: Human Oil Pump Stock
- Từ 2012-2014: Filand – SAWO INC
- Từ 2014- Nay: Hong Kong- Clock Group

Chức vụ hiện nay:
- Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông TRƯƠNG THANH TÙNG (Bổ nhiệm ngày 24/06/2020)

Thành viên Hội đồng Quản trị/ Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh 1984

Quá trình công tác:
- Từ 04/2014- 8/2012: Công ty CP hỗ trợ phát triển công nghệ DETECH
- Từ 9/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC
- Từ 2014- Nay: Hong Kong- Clock Group

Chức vụ hiện nay:
- Thành viên Hội đồng Quản trị
- Phó Tổng giám đốc
- Đã bổ nhiệm 06/2020

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

• Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương pháp phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất của Công ty;
• Quyết định cơ cấu tổ chức, Bộ máy, quy chế, hoạt động của công ty
• Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
• Kiến nghị, sửa đổi và bổ sung điều lệ của Công ty;
• Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
• Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực chủ yếu sau:
+) Thường xuyên giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo thường xuyên kết quả thực hiện theo từng kỳ sản xuất. Đề ra giải pháp kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
+) Hàng quý tổ chức họp giao ban toàn Công ty với thành phần bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban để đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện; Đề ra kế hoạch chi tiết trong tháng tới; Giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
+) Thường xuyên nhắc nhở đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện báo cáo và công bố thông tin cho đúng với các quy định của Pháp luật hiện hành.

• Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020
- Thông qua báo cáo KQKD năm 2019 và phương hướng kế hoạch năm 2020.
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.
- Thông qua báo cáo Hoạt động của HĐQT năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020.
- Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, phương hướng hoạt động của năm 2020.
- Thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2019, kế hoạch chi trả thù lao năm 2020.
- Thông qua ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020.
- Thông qua kế hoạch phát hành Cổ Phiếu ...
- Thông qua đơn từ nhiệm và bầu bổ sung TV HĐQT
- Thông qua khen thưởng vượt kế hoạch SXKD năm 2020 cho các thành viên HĐQT và ban điều hành

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ (%)
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch HĐQT	17/17	100%
Ông Đỗ Huy Ông Cường	Phó CT HĐQT	17/17	100%
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT	17/17	100%
Ông Trần Văn Duy	Thành viên HĐQT	07/17	41,2%
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	17/17	100%
Ông Haihiu Liu	Thành viên HĐQT	17/17	100%
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	10/17	58,8%

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (BÁO CÁO NĂM 2020):

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
1	01/HVC/2020/NQ HĐQT	02/01/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019	100%
2	02/HVC/2020/NQ HĐQT	21/02/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán từ loại "chuyển nhượng có điều kiện " sang loại "Tự do chuyển nhượng" cho các cổ đông.	100%
3	03/HVC/NQ-HĐQT/2020	16/03/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
4	04/HVC/NQ-HĐQT/2020	30/03/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua việc hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
5	05/HVC/NQ-HĐQT/2020	18/05/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
6	06/HVC/NQ-HĐQT/2020	28/05/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán từ loại "Chuyển nhượng có điều kiện" sang loại "Tự do chuyển nhượng" cho các cổ đông.	100%
7	07/HVC/NQ-HĐQT/2020	11/06/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
8	08/2020/HVC/NQ-HĐQT	2/7/2020	Nghị quyết về kế hoạch triển khai và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	100%

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ thông qua
9	09/2020/HVC/NQ-HĐQT	3/7/2020	Nghị quyết HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Phó TGĐ của Trần Văn Duy từ ngày 03/07/2020	100%
10	10/2020/HVC/NQ-HĐQT	6/7/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	100%
11	11/2020/HVC/NQ-HĐQT	15/7/2020	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
12	12/2020/HVC/NQ-HĐQT	12/8/2020	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 và sửa đổi Điều lệ công ty	100%
13	13/HVC/2020/NQHĐQT	25/8/2020	Nghị quyết HĐQT về việc bán cổ phiếu quỹ	100%
14	14/HVC/2020/NQHĐQT	7/10/2020	Nghị quyết HĐQT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
15	15/HVC/NQ-HĐQT/2020	23/11/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua việc triển khai và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	100%
16	16/HVC/2020/NQHĐQT	8/12/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua việc điều chỉnh loại chứng khoán từ loại "Chuyển nhượng có điều kiện" sang loại "Tự do chuyển nhượng" cho các cổ đông.	100%
17	17/2020/NQ-HĐQT	10/12/2020	Nghị quyết HĐQT thông qua sửa đổi phương án sử dụng vốn và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng	

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

CÁC CHỈ TIÊU VÀ SỐ LIỆU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 VNĐ	Thực hiện năm 2020 VNĐ	Tỷ lệ hoàn thành
Tổng doanh thu	520.000.000.000	405.245.025.996	78%
Lợi nhuận sau thuế	32.000.000.000	23.735.280.944	74.1%
Cổ tức	10 %	8.5%	85%

CHI TIẾT MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH:

Hoạt động tổng thầu vui chơi giải trí cao cấp

Mặc dù ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 có những thời điểm các công trường phải ngừng hoạt động nhiều ngày bởi lệnh cách ly xã hội, nhiều hợp đồng phải lùi thời gian ký kết nhưng HVC Group tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường tổng thầu vui chơi giải trí cao cấp tại Việt Nam. Chỉ riêng năm 2020, công ty đã hoàn thành và bàn giao nhiều công viên nước cho chủ đầu tư như công viên nước Thanh Long (An Giang); Công viên nước Mikazuki Đà Nẵng, công viên nước Vinpearl Land Phú Quốc mở rộng ..... Năm 2020, HVC Group vẫn tiếp tục vị thế tiên phong trong các lĩnh vực Bể bơi, đài phun nước, sân chơi nước, tưới cỏ tự động, công viên giải trí.... bằng việc ký kết hợp đồng hàng trăm công trình tại các dự án lớn.

Hoạt động tổng thầu cơ điện M&E

Năm 2020 được xem là năm khá thành công của HVC Group trong lĩnh vực tổng thầu cơ điện. Tổng thầu cơ điện của HVC bất ngờ bứt phá lọt Top 5 nhà thầu cơ điện Uy tín Việt Nam.

Năm 2020 cũng ghi dấu ấn khi trúng thầu nhiều dự án lớn và việc tham gia vào đa dạng các lĩnh vực nhà cao tầng: Vinhomes Smart City Tây Mỗ Đại Mỗ; Khu đô thị Vân Canh An Lạc, Khách sạn cao cấp 4 Sao Mỹ An (Huế); Vinhomes Grand Park (TP Hồ Chí Minh)....

Hoạt động của Nhà máy sản xuất thiết bị HVC Hưng Yên

Năm 2020, nhà máy sản xuất thiết bị HVC Hưng yên ổn định sản xuất. Sản phẩm của nhà máy đảm bảo cung cấp sản phẩm cho các dự án HVC và ổn định xuất bán thương mại cho nhiều công trình, dự án khắp cả nước.

Hệ thống máy móc được đầu tư liên tục, cập nhật công nghệ mới, cơ cấu bộ máy tổ chức của nhà máy cũng được kiện toàn theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa.

Hoạt động đầu tư

• Năm 2020 HVC Group tiếp tục đầu tư vào công nghệ mới cho sản xuất kinh doanh và các hoạt động quản trị Doanh nghiệp

• Khảo sát, tìm hiểu đầu tư dự án khu du lịch bất động sản nghỉ dưỡng ven Hà Nội có pháp lý rõ ràng nhằm tận dụng lợi thế kinh nghiệm nhiều năm triển khai nhiều khu du lịch nghỉ dưỡng lớn tại Việt Nam.

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

Nội dung	Số tiền	Nội dung	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	85.179.864.420	Phân phối lợi nhuận năm 2020	18.474.997.500
LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	62.777.000.332	Trích lập các quỹ	0
LNST chưa PP kỳ này	22.402.864.088	Trả cổ tức năm 2020	18.474.997.500
Thù lao HĐQT, BKS	0	Trả cổ tức bằng tiền mặt	18.474.997.500
		Lợi nhuận còn lại chưa thanh toán	66.704.866.920

HOẠT ĐỘNG THÙ LAO, CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• Hoạt động

Hàng tháng, Quý, HĐQT công ty đã họp thường kỳ hoặc bất thường để xem xét hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng như đưa ra các quyết sách, định hướng phát triển. Trong đó, có 3 quyết định lớn có tác động lớn đến việc duy trì tốc độ phát triển ổn định của Công ty, giúp công ty vượt qua khó khăn, trụ vững trong cơn khủng hoảng của tình hình dịch bệnh đó là:

- Quyết định về đổi mới công tác quản trị Công ty, quyết định về việc bổ sung cơ cấu tổ chức công ty, quết định điều động, bổ nhiệm, tinh giảm bộ máy nhân sự cho phù hợp với tình hình mới.
- Quyết định chiến lược bán hàng, phát triển khách hàng, phân cấp khách hàng.
- Quyết định về việc bổ sung các quy trình quy định để tăng hiệu quả công việc cùng như tăng cường công tác quản trị rủi ro.

• THÙ LAO HĐQT

Họ và tên	Thù lao năm 2020 (VNĐ)	Kế hoạch thù lao năm 2021 (VNĐ)
Ông Trần Hữu Đông	Không nhận thù lao	50 triệu
Ông Đỗ Huy Ông Cường	Không nhận thù lao	25 triệu
Ông Lê Văn Cường	Không nhận thù lao	25 triệu
Ông Trần Văn Duy	Không nhận thù lao	Đã miễn nhiệm
Ông Đào Thanh Sơn	Không nhận thù lao	25 triệu
Ông Haihiu Liu	Không nhận thù lao	25 triệu
Ông Trương Thanh Tùng	Không nhận thù lao	25 triệu

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY

1. Quản trị khách hàng

1.1. Định hướng chọn lựa khách hàng của HVC đã thực hiện

- Khách hàng của HVC phải được đánh giá là những công ty tập đoàn có uy tín trên thương trường và hợp tác phải có lợi cho cả các bên. Đặc biệt khách hàng không có điều tiếng về chiếm dụng vốn của nhà thầu.
- Ưu tiên hợp tác với những khách hàng lớn kể cả việc phải giảm lợi nhuận để ổn định đầu ra. Khi hợp tác được với khách hàng lớn không chỉ tăng được uy tín thương hiệu trên thị trường mà còn học được từ khách hàng cách quản trị doanh nghiệp, cách phát triển doanh nghiệp.
- Chỉ hợp tác khi khách hàng có lợi

1.2. Duy trì hợp tác nâng cao mở rộng quan hệ với khách hàng:

- Chất lượng công việc và sản phẩm phải đặt lên hàng đầu.
- Tiến độ công việc phải thực hiện theo đúng cam kết với khách hàng.
- Giá thành sản phẩm công việc phải thực sự cạnh tranh, hấp dẫn.
- Chế độ bảo hành bảo trì phải nhanh, thường xuyên và thực sự chuyên nghiệp.
- Chế độ chăm sóc hậu mãi khách hàng phải hài hòa phù hợp với tính chất của từng công việc.

2. Quản trị sản xuất kinh doanh:

- HVC Group xác định chiến lược trở thành Holding, đã từng bước xây dựng thương hiệu cho Công ty con như HVC Park, HVC M&E, Nhà máy HVC Hưng Yên.
- HVC đã cơ bản xây dựng được cơ cấu tổ chức phù hợp với quy mô cũng như đặc thù công việc.
- Áp dụng quy trình quản lý chất lượng ISO 9001-2015, kiện toàn việc đánh giá hiệu quả công việc bằng KPIs, nhiều phần mềm công nghệ thông tin cũng đã được công ty áp dụng thử nghiệm
- Áp dụng thí điểm khoán công việc để nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân viên, nâng cao hiệu quả công việc, một số công trường công ty đã áp dụng phương án khoán nhân công.
- Nhà máy tại Hưng Yên mở rộng đã đầu tư sử dụng dây truyền máy móc hiện đại tự động hóa cao để giảm tối đa nhân công, ổn định chất lượng sản phẩm.
- Đào tạo thường xuyên cho cán bộ công nhân người lao động để nâng cao chất lượng tay nghề, nâng cao chất lượng thiết kế thi công và lắp đặt.

3. Quản trị nhân sự

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến yếu tố con người, xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp, không gian làm việc để mỗi CBCNV phát huy tối đa sức sáng tạo.
- Lãnh đạo công ty rất chú trọng đến việc xây dựng, tích cực đào tạo nhân sự, văn hóa doanh nghiệp văn hóa HVC dựa trên nền tảng đoàn kết và trách nhiệm, chủ động quy hoạch cấp quản lý để đảm bảo mọi hoạt động của công ty đều được thông suốt.
- Công ty đã chủ động xây dựng thang bảng lương làm cơ sở cho việc tuyển dụng và phân cấp vị trí quản lý. Xây dựng chính sách và quyền lợi cho người lao động như chế độ thai sản, chia sẻ thăm hỏi ốm đau, đặc biệt là các ngày nghỉ lễ tết đều trích tiền thưởng để động viên tinh thần làm việc. Kết hợp việc nghỉ mát hàng năm với hoạt động Teambuiling để nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó của cán bộ công nhân viên với HVC.

4. Quản lý chi phí

- Với phần mềm kế toán, hiện nay công tác quản lý chi phí tại các công trường thi công của công ty đã thực hiện công khai, minh bạch: Công cụ quản lý chi phí: Báo cáo phân tích dọc, phân tích ngang các khoản mục chi phí theo DSSX (Doanh số SX), Thông qua công cụ phân tích ở báo cáo dọc, báo cáo ngang, toàn thể CBCNV cấp quản lý điều hành, khối đoàn thể đều biết và hiểu được rõ công ty đang bị lãng phí ở khoản mục chi phí nào, từ đó đưa ra cách thức để nâng cao hiệu quả SXKD bằng cách: Tăng doanh số, Giảm chi phí khả biến.
- Với tính chất công việc phải thi công trên công trường là chính do vậy nếu không quản lý chặt chẽ sẽ dẫn đến thất thoát vật tư, thất thoát nhân công lãng phí thời gian… Để quản lý hiệu quả hơn công ty đã ban hành và xây dựng hàng loạt các quy trình kiểm soát để hạn chế tối đa những việc thất thoát trên công trường. Công ty đã xây dựng được phần mềm quản lý dự án riêng.

5. Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên HĐQT

- Hàng tháng, quý, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp thường kỳ hoặc bất thường để xem xét hoạt động SXKD của Công ty cũng như đưa ra các quyết sách, định hướng phát triển của Công ty. Trong đó 3 quyết định lớn có tác động lớn đến việc duy trì tốc độ phát triển ổn định của Công ty, giúp Công ty vượt qua khó khăn, trụ vững trong cơn khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, đó là:
- Quyết định về đổi mới công tác quản trị công ty, Quyết định về việc bổ sung cơ cấu tổ chức công ty, quyết định điều động bổ nhiệm nhân sự cho phù hợp với tình hình mới.
- Quyết định về chiến lược bán hàng, phát triển khách hàng, phân cấp khách hàng.
- Quyết định về việc bổ sung các quy trình quy định để tăng hiệu quả công việc cũng như tăng cường công tác quản trị rủi ro.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đầu năm, HĐQT cùng ban Tổng giám đốc đã tiến hành 01 buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020. Đồng thời, HĐQT đã có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến ban Tổng giám đốc và tiếp tục theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của ban Tổng giám đốc trong thời gian tới.

- HĐQT giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- HĐQT thường xuyên giám sát các nhiệm vụ mà HĐQT giao cho Ban Tổng giám đốc, kịp thời chỉ đạo và xử lý các vấn đề phát sinh trong thẩm quyền, tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc giải quyết nhanh các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tháng 6 năm 2020, HĐQT cùng với Ban tổng giám đốc đã tiến hành 01 buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 2020 và phương hướng triển khai hoạt động kinh doanh 06 tháng cuối năm.

Đồng thời, HĐQT cũng đã có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Tổng giám đốc và tiếp tục theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của Ban tổng giám đốc trong thời gian tới.

HĐQT đã thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn góp tại các

công ty có vốn góp của HVC.

HĐQT trực tiếp chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Xây dựng bảng kế hoạch đầu tư, lợi nhuận và kế hoạch trả cổ tức từ năm 2020-2021.
- Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động và cơ cấu bộ máy Công ty theo hướng mô hình Holding.
- Đánh giá, phân tích, dự báo tình hình SXKD theo từng tháng, quý để có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HVC GROUP TRONG NĂM 2021

Đánh giá tình tình kinh tế năm 2021 tại Việt Nam và thế giới vẫn còn ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19. Tuy nhiên, HĐQT vẫn tin tưởng vào sự phát triển bền vững của HVC trong năm 2021 dựa trên nền tảng vượt dịch an toàn năm 2020 và những hợp đồng mới ký kết.

Chỉ tiêu VỐN ĐIỀU LỆ	Kế hoạch năm 2021 (VNĐ) 369.499.950.000	Thực hiện năm 2020 (VNĐ) 219.499.950.000
Tổng doanh thu	466.000.000.000	405.245.025.990
Lợi nhuận trước thuế	46.500.000000	28.577.798.011
Lợi nhuận sau thuế	37.200.000.000	23.735.280.944
Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức	5%	8.5%

Cơ sở để HĐQT đưa ra kế hoạch này dựa trên các yếu tố sau:

1. Dựa trên doanh số công ty đã ký hợp đồng năm 2020:
2. Dựa trên những dự án mà công ty đã chào thầu, làm việc với khách hàng
3. Tiếp tục cải tiến các quy trình quản lý chất lượng ISO, đánh giá hiệu quả công việc KPIs để phù hợp với quy mô và mô hình hoạt động của HVC, Tích cực áp dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả công việc và giảm rủi ro.
4. Tiếp tục xây dựng cụ thể các đầu mục văn hóa doanh nghiệp dựa trên giá trị là tinh thần đoàn kết và trách nhiệm.
5. Tiếp tục giữ vững vị thế hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực tổng thầu khu vui chơi giải trí cao cấp, phấn đấu đưa lĩnh vực M&E vào top 5 trên thị trường Việt Nam.
6. Nhà máy tại Hưng Yên sẽ sản xuất ra các thiết bị phục vụ cho lĩnh vực cơ điện với chất lượng tốt, đồng đều đảm bảo tiến độ cấp hàng với giá thành cạnh tranh. Lĩnh vực sản xuất tủ điện sẽ tăng trưởng 50% trở lên
7. Thực hiện việc mở rộng cơ chế khoán công việc cho cán bộ công nhân viên để nâng cao tinh thần trách nhiệm và sẽ nâng cao được hiệu quả công việc. Các cán bộ công nhân viên cũng sẽ có thu nhập cao hơn và gắn bó hơn với HVC.
8. Đào tạo, quy hoạch cán bộ quản lý để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu công việc

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.

THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Hoa

Trưởng ban kiểm soát (Bầu bổ sung ngày 24/06/2020)

Quá trình công tác:
- Từ 9/2008 đến 6/2009: Công ty TNHH kiểm toán ASCO
- Từ 7/2009 đến nay: Công ty Bảo hiểm BIDV

Chức vụ hiện nay:
- Trưởng ban kiểm soát



Bà Đào Thị Dung

Thành viên Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:
- Từ 08/2001- 05/2014: Công ty TNHH tư vấn Công nghệ mới Việt Nam
- Từ 6/2014- nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

Chức vụ hiện nay:
- Thành viên ban kiểm soát



Bà Đỗ Thị Lê

Thành viên Ban Kiểm soát **(Bầu bổ sung ngày 24/06/2020)**

Quá trình công tác:
- Từ 8/2011- 10/2015: Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam
  Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Từ 11/2015- 4/2017: Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương
- Từ 5/2017- 2/2019: Công ty CP tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt
  Công ty CP kiểm toán Trí Việt
- Từ 3/2019- nay: Công ty CP Đầu tư và thương mại Inbus

Chức vụ hiện nay:
- Thành viên Ban kiểm soát



Ông Vũ Danh Lam

Thành viên Ban Kiểm soát **(Miễn nhiệm ngày 24/06/2020)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành trong công tác điều tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu cảu Ban Kiểm soát; tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty.
- Về quan hệ với cổ đông: Trong năm 2020, không có văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi về Ban Kiểm soát để yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các mặt hoạt động của công ty.

II. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

- Kiểm tra rà soát các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của Công ty.
- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc công ty và thẩm định báo cáo tài chính, đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo.
- Kiểm tra các nghị quyết, quyết định của HĐQT đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định. Tham gia đóng góp ý kiến và thực hiện vai trò kiểm soát toàn diện (kiểm tra, giám sát trước, trong và sau hoạt động), nhận diện và kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn trong nội bộ hoặc ngoài công ty.
- Kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn, nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

III. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Trong năm 2020, HĐQT, Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trên nguyên tắc vì lợi ích chung, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty, cụ thể:

- HĐQT đã chỉ đạo và kiểm tra giám sát các Phó Tổng Giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của Công ty.

11 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Các nghị quyết của HĐQT đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 và có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban lãnh đạo trong năm 2020 về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm; những kết quả, tiến bộ đã đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2020.

IV. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020 (VNĐ)	Thực hiện năm 2020 (VNĐ)	Tỷ lệ Hoàn Thành
Tổng doanh thu	520.000.000.000	405.245.025.996	78%
Lợi nhuận sau thuế	32.000.000.000	23.735.280.944	74.1%
Cổ tức	10%	8.5%	85%

Năm 2020, Công ty đã thực hiện hoàn thành trên 70% các chỉ tiêu về kinh tế, tài chính mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đề ra.

V. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty năm 2020

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, số liệu cụ thể như sau:

1. Tổng tài sản: nghìn đồng, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn: 242.780.771.281 đồng, chiếm 51 % tổng tài sản
- Tài sản dài hạn: 226.556.465.555 đồng, chiếm 48 % tổng tài sản

2. Tổng nguồn vốn: 469.337.236.836 đồng, trong đó:

- Nợ phải trả: 152.067.298.781 đồng, chiếm 32.4 % tổng nguồn vốn.
- Vốn chủ sở hữu: 317.269.938.055 đồng, chiếm 67.6 % tổng nguồn vốn

3. Kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu: 405.245.025.996 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 28.577.798.011 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 23.735.280.944 đồng.

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 0.48 lần

VI. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Đề nghị HĐQT Công ty tiếp tục đốc thúc thu hồi khoản nợ của Ban quản lý dự án đảm bảo vốn lưu động của Công ty.

ĐỔI MỚI HIỆU QUẢ - HÀNH ĐỘNG BỨT PHÁ

- HĐQT, Ban Giám đốc tập trung đảm bảo giá trị dở dang phù hợp, để đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ SXKD và đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Bố trí nguồn lực, nâng cao công tác quản lý chất lượng công trình, tập trung chỉ đạo điều hành đảm bảo tiến độ các công trình trọng điểm.
- Tiếp tục thực hiện tốt yêu cầu khách hàng đối với mảng dịch vụ thiết kế, lắp đặt bể bơi.
- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ chi phí giá thành và thực hiện nghiêm túc công tác tiết kiệm chi phí quản lý tại Công ty.

THÀNH PHẦN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông ĐỖ HUY CƯỜNG

Tổng Giám Đốc

Quá trình công tác:

- Từ 7/2001- 8/2003: Công ty TNHH YAZAKI Vietnam; Từ 9/2003-5/2004: Công ty CP Thép Việt Nhật; Từ 6/2004-12/2006: Công ty TNHH KONYA PAPER Vietnam; Từ 1/2007- 5/2008: Viện nghiên cứu cơ khí; Từ 6/2008-6/2010: Công ty CP KỸ THUẬT ELCOM; Từ 7/2010- 7/2012: Công ty CP Công nghệ môi trường; Từ 8/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC



Ông LÊ VĂN CƯỜNG

Phó Tổng Giám Đốc

Quá trình công tác:

- Từ 8/2008- 4/2012: Công ty CP hỗ trợ phát triển công nghệ DETECH
- Từ 5/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục làm tốt công tác điều hành HVC Group phát triển ổn định vượt qua khó khăn của dịch bệnh Covid 19 một cách an toàn:

- Định hướng chiến lược và mục tiêu phát triển của công ty phù hợp trong các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.
- Thiết lập hệ thống quản trị: Ban Tổng giám đốc chỉ đạo và trực tiếp xây dựng hệ thống quản trị phù hợp cho công ty nhằm đảm bảo các bộ máy trong công ty vận hành trơn tru và đạt năng suất cao
- Giám sát và điều khiển: thực hiện tốt quá trình giám sát và kiểm soát, kiểm toán.
- Nhân sự: Chỉ đạo, giám sát, đánh giá, bồi dưỡng, quản lý nhân sự.



Ông TRƯƠNG THANH TÙNG

Phó Tổng Giám Đốc

Quá trình công tác:

- Từ 04/2004 - 08/2012: Công ty CP hỗ trợ phát triển công nghệ DETECH
- Từ 9/2012 đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC



Bà VŨ THỊ NGÀ

Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- Từ 01/2004 - 05/2006: Công ty TNHH Hà Yên
- Từ 06/2006 - 05/2011: Công ty CP kiến trúc nội thất Việt Nam
- Từ 06/2011 - 05/2014: Công ty CP CONINCON quản lý dự án và đầu tư
- Từ 06/2014 - đến nay: Công ty CP Đầu tư và Công nghệ HVC

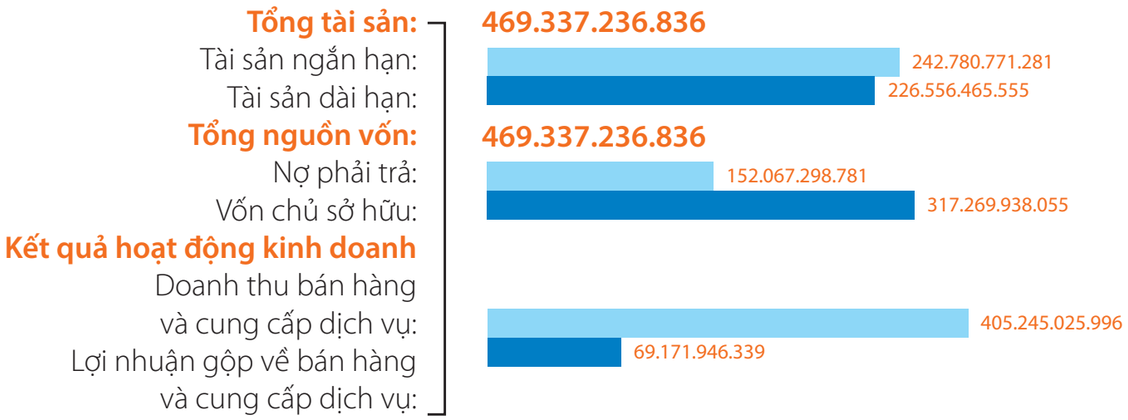
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Chỉ tiêu tài chính

Doanh thu thuần: 405.245.025.996 đồng

Lợi nhuận sau thuế: 23.735.280.944 đồng

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020



2. Về hoạt động Quản lý - sản xuất kinh doanh

Công tác đấu thầu

Năm 2020 là một năm khó khăn của thị trường bất động sản do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nhưng HVC vẫn làm tốt công tác đầu thầu và trúng nhiều dự án lớn, đặc biệt mở rộng thêm nhiều đối tác mới:

- Các dự án của tập đoàn Vingroup: Tiếp tục là tổng thầu tại các dự án lớn của chủ đầu tư Vingroup tại các dự án lớn như: Vinhomes Grand Park quận 9 (Cơ điện tòa nhà cao tầng; cơ điện hạ tầng, bể bơi, đài phun nước); Dự án Vinpearl Land Phú Quốc mở rộng; Vinhomes Tây Mỗ - Đại Mỗ; Vinpearl Nha Trang

- Các đối tác mới: Madison Land (Khu du lịch nghỉ dưỡng Madison Hồ Tràm); ThangLong Invest Group (Dự án Vườn Vua); Sunshine Group (Dự án sinh thái Sunshine Heritage Resort); Apec (Khu thương mại và dịch vụ Shophouse- Apec Mandala Wyndham Phú Yên); Bitexco, ...

Công tác Quản lý dự án

- Tăng cường công tác quản lý tại dự án
- Duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển Công ty trong từng thời kỳ
- Áp dụng các phần mềm quản lý mới nên nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu thất thoát, rủi ro, tăng năng suất, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sự hài lòng của chủ đầu tư.

Công tác vệ sinh an toàn lao động

- Năm 2020 tiếp tục là năm Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác an toàn vệ sinh lao động. Duy trì và áp dụng hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Công tác an toàn, vệ sinh lao động được nâng cao hơn, hình ảnh dự án đẹp hơn, sạch hơn. Đặc biệt nhận thức của toàn thể cán bộ, công nhân toàn mô hình được nâng cao, phù hợp với định hướng phát triển của công ty.

- Môi trường làm việc trên công trường được cải thiện đáng kể, tác phong làm việc của Người lao động chuyên nghiệp hơn, môi trường xung quanh ít bị ảnh hưởng.

Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất

- Công tác chỉ đạo và điều độ sản xuất luôn bám sát nhiệm vụ kế hoạch để chỉ đạo đạt được hiệu quả tốt nhất. Đã xử lý và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá sản xuất một cách triệt để và khoa học hơn.
- Công tác KCS và kiểm tra kỹ thuật quyết định chính đến nội dung và chất lượng sản phẩm, vì vậy việc thực hiện công tác chỉ đạo kiểm soát đánh giá chất lượng sản phẩm cho tất cả các nhóm sản phẩm theo tiêu chuẩn Công ty đã ban hành luôn thực hiện khắt khe nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng đầu ra.

Công tác Quản lý và tổ chức nhân sự

- Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về qui trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua qui trình quản lý của hệ 4 thống ISO 9001: 2015.
- Hoàn thiện và đưa vào áp dụng hồ sơ giao việc từ cấu trúc, mục tiêu, quy trình, quy định và hướng dẫn công việc cho đến các tiêu chí đánh giá năng lực và thành tích cho từng nhân viên.
- Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho tất cả các cấp bậc để nâng cao năng lực chuyên môn cũng như năng lực quản lý để triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được hiệu quả cao.
- Tăng cường phân quyền cho các Phó tổng giám đốc, trưởng bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch chung.
- Công tác tuyển dụng luôn được đổi mới về phương thức và chất lượng, mọi thông tin tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên website của Công ty.
- Về chính sách với người lao động

• Đảm bảo việc làm, chi trả lương đầy đủ và đúng hạn

• Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

• Kịp thời hỗ trợ những hoàn cảnh CBNV gặp khó khăn

• Tổ chức các hoạt động Văn nghệ, thể thao, tri ân có ý nghĩa cho người lao động như: Sinh nhật, 8/3, 20/10, tết Nguyên Đán, nhằm tạo niềm tin, xây dựng sự đoàn kết.

Công tác quản lý tài chính

- Chủ động cân đối sử dụng vốn linh hoạt đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn
- Quản lý vốn hiệu quả, xoay vòng vốn nhanh
- Quản lý sát sao công nợ khách hàng phân ra từng nhóm cụ thể để có phương án xử lý riêng đồng thời cũng có cơ sở để xem xét các hạn mức tài chính cho từng khách hàng để giảm rủi ro nợ xấu.
- Thực hiện lập dự toán đối với các dự án, hợp đồng và theo dõi sát việc thực hiện để đảm bảo lãnh đạo Công ty luôn quản lý, nắm bắt được việc triển khai dự án theo đúng mục tiêu ban đầu.

Công tác Quản lý thương hiệu

- HVC bứt phá vượt bậc, đứng trong TOP 5 nhà thầu cơ điện uy tín nhất Việt Nam
- Lần đầu đứng trong Top 500 Doanh nghiệp có tốc độ phát triển nhanh nhất Việt Nam (thứ hạng 101)
- Vị thế số 1 ngành Tổng thầu thiết bị vui chơi giải trí được giữ vững
- Không có những thông tin xấu trên các phương tiện thông tin đại chúng ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu.

2. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn một số khó khăn, tồn tại cần có biện pháp khắc phục, xử lý:

- Ảnh hưởng dịch bệnh
- Doanh thu chưa đạt kỳ vọng.
- Việc phân công trách nhiệm các bộ phận còn nhiều điểm chưa rõ nét dẫn đến việc phối hợp công việc giữa các bộ phận chưa nhịp nhàng vì vậy còn có sai sót trong quá trình triển khai công việc đặc biệt ở mảng dự án.
- Công tác thanh quyết toán một số công trình chưa đúng tiến độ dẫn đến việc thanh toán chậm. Công tác thu nợ chưa thực sự triệt để và quyết liệt.
- Công tác báo cáo sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự còn chưa phản ánh kịp thời với lãnh đạo Công ty để nắm bắt và xử lý những vấn đề phát sinh có liên quan.
- Nhà máy chưa thực sự hoạt động hết công suất. Công tác quản lý chất lượng vẫn còn hiện tượng chưa sát sao, dẫn đến còn một số khiếu nại của khách hàng.
- Công tác thực hiện và quản lý hồ sơ thanh quyết toán công trình: Một số dự án còn bị chậm, làm ảnh hướng đến tài chính của công ty.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI

1. Các chỉ tiêu về tài chính
2. Các nhiệm vụ khác:

Công tác điều hành quản lý

- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị của cán bộ quản lý thông qua tăng cường công tác kiểm soát và tinh thần, thái độ làm việc. Mỗi cấp quản lý chủ động hoạch định và giao việc cho từng tháng, quý, năm đến từng cá nhân trong bộ phận cũng như đến bộ phận liên quan. Chú trọng công tác lập kế hoạch hành động, giao việc và kiểm tra đánh giá kết quả hoàn thành công việc.
- Tiếp tục áp dụng hệ thống lương, thưởng trên cơ sở giao kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên.
- Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ đội ngũ nhân viên đảm bảo hoàn thành tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của công việc.
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn, bộ phận nhân sự duy trì đối thoại với người lao động và quan tâm sâu sắc hơn đến đời sống người lao động

Công tác đầu tư phát triển

- Áp dụng các công nghệ mới vào thi công- Quản trị theo năng lực của Công ty
- Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất.

Công tác đấu thầu

- Không ngừng khai thác các công trình, dự án trong nước đảm bảo đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm.
- Tiếp tục bám sát, giữ chính sách giá linh hoạt và đàm phán thành công các dự án.

Công tác sản xuất

- Tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất, vận hành thiết bị, đổi mới, đầu tư nâng cấp thiết bị hiện có đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân để tăng tính hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm
- Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả tránh lãng phí, giảm tiêu hao vật tư, sử dụng lao động hợp lý để giảm giá thành sản xuất tăng tính cạnh tranh của sản phẩm
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng xuất, chất lượng của sản phẩm để hạ giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm tăng tính cạnh tranh

Công tác tài chính

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển trong kế hoạch năm 2021.
- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại Công ty.
- Tiếp tục xử lý các khoản nợ quá hạn, khó đòi, vật tư, tài sản chậm luân chuyển không sử dụng/ sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành, giảm giá vốn hàng bán, dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2020

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2020

Kinh tế – xã hội năm 2020 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn

- Thương mại toàn cầu, giá cả hàng hóa đang dần được phục hồi, thị trường chứng khoán toàn cầu tăng mạnh trong tháng 11 và tháng 12 nhờ tín hiệu tích cực từ sản xuất và hiệu quả của vắc-xin phòng Covid-19. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu tuy vẫn đối mặt với nhiều khó khăn nhưng đã có xu hướng phục hồi trong những tháng cuối năm 2020 và dự báo tăng trưởng khả quan hơn trong năm 2021

- Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân.

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp vừa phòng chống dịch, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2020. Nhờ đó, tình hình kinh tế – xã hội quý IV và cả năm 2020 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 2,91% so với năm trước, tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020[3] nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

2. Sản xuất nông, lâm, nghiệp và thủy sản năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nông sản. Trước những khó khăn đó, ngành Nông nghiệp đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả nên năng suất các loại cây trồng đạt khá, lúa các vụ được mùa, được giá; sản lượng các loại cây lâu năm có mức tăng trưởng khá; chăn nuôi gia cầm phát triển tốt; đàn lợn đang dần khôi phục. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thể hiện vai trò bệ đỡ

của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch.

3. Sản xuất công nghiệp: Dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) được thực thi nên sản xuất công nghiệp trong quý IV/2020 có sự khởi sắc với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.

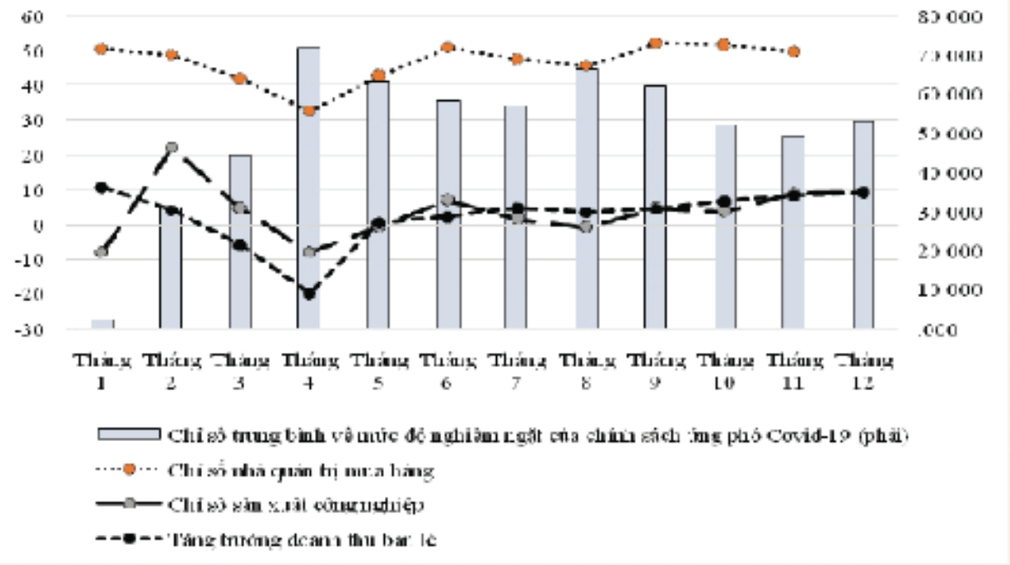
4. Với sự quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020 có những kết quả đáng ghi nhận. Trong năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 2,3% so với năm trước nhưng có số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3%. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I/2021 với 81% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý IV/2020.

5. Hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng: Năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng được kiểm soát tốt trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm. Tuy nhiên, hoạt động vận tải vẫn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là vận tải ngoài nước. Số lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm nay chỉ đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 78,7% so với năm trước, trong đó hơn 96% là khách quốc tế đến trong quý I/2020.

6. Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển ổn định và an toàn trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp; huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán tăng khoảng 20% so với năm trước.

Thị trường chứng khoán có nhiều đóng góp trong việc huy động vốn cho nền kinh tế. Tính đến ngày 17/12/2020, tổng mức huy động vốn của thị trường chứng khoán đạt 383,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Trên thị trường cổ phiếu, tính đến ngày 24/12/2020, chỉ số VNIndex đạt 1.067,52 điểm, tăng 11,1% so với cuối năm 2019; mức vốn hóa thị trường đạt gần 5 triệu tỷ đồng, tăng 14%; giá trị giao dịch bình quân từ đầu năm 2020 đến nay (tính đến ngày 17/12/2020) đạt 7.056 tỷ đồng/phiên, tăng 51,5% so với bình quân năm 2019. Trên thị trường trái phiếu, có 481 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt gần 1.350 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với cuối năm 2019. Trên thị trường chứng khoán phái sinh, khối lượng giao dịch bình quân sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 từ đầu năm đến nay (tính đến ngày 17/12/2020) đạt 157.314 hợp đồng/phiên, tăng 77% so với bình quân giao dịch năm 2019.

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA LÂY LAN ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2020 (điểm)



Nguồn: Theo số liệu của Đại học Oxford, Haver Analytics, Markit Economics và Tổng cục Thống kê năm 2020

7. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2020 tăng 5,7% so với năm 2019, mức thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước năm 2020 đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2011-2020, đây là kết quả đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nhằm duy trì đà tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 được kiểm soát tốt tại Việt Nam.

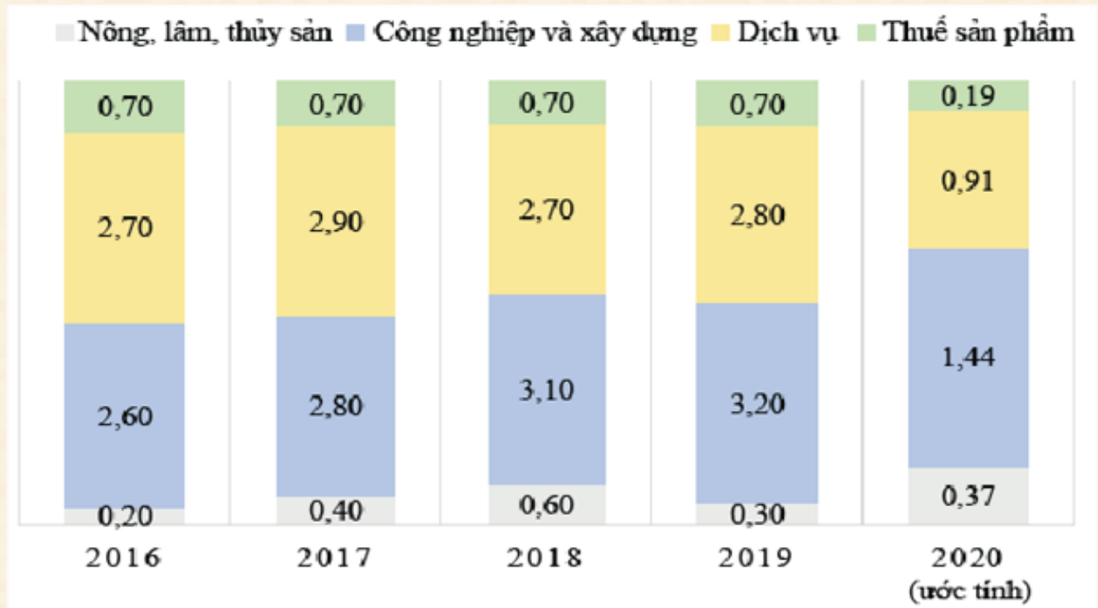
8. Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, các lĩnh vực của nền kinh tế từng bước được cải thiện tích cực nên Tổng thu ngân sách Nhà nước đến thời điểm 15/12/2020 ước tính đạt 1.307,4 nghìn tỷ đồng, bằng 86,5% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 1.101,6 nghìn tỷ đồng, bằng 87,1%; thu từ dầu thô 32,7 nghìn tỷ đồng, bằng 92,9%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 172,3 nghìn tỷ đồng, bằng 82,8%.

Chi ngân sách Nhà nước đáp ứng kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt là hỗ trợ người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, lũ lụt.

9. Năm 2020 ghi nhận nỗ lực mạnh mẽ của hoạt động xuất, nhập khẩu trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay.

10. Giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá gạo tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng vào dịp cuối năm tăng là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2020 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,23% so với năm 2019[18]. Tỷ giá thương mại hàng hóa năm 2020 giảm 0,74% so với năm 2019 phản ánh giá xuất khẩu hàng hóa Việt Nam ra nước ngoài không thuận lợi so với giá nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam.

MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới

II. TRIỂN VỌNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH TẾ NĂM 2021

Một số điểm cần lưu ý trong phát triển kinh tế năm 2020

Năm 2020 đã để lại nhiều điểm sáng về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, vẫn còn một số điểm cần lưu ý, chú trọng khắc phục để phục hồi tăng trưởng kinh tế trong năm 2021.

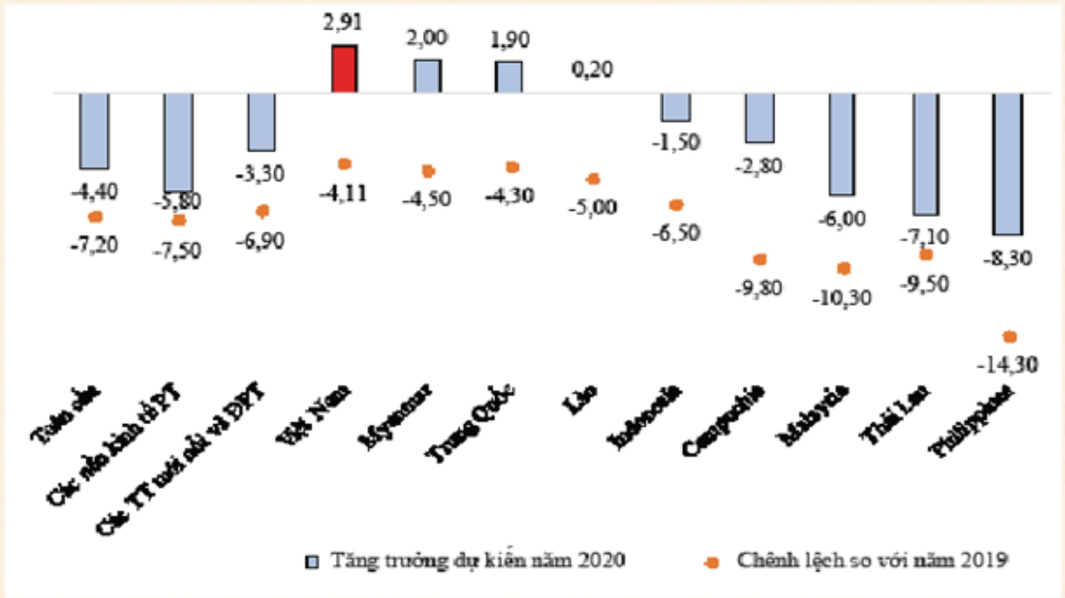
Thứ nhất, sự bất định và rủi ro vẫn ở mức cao, tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của DN.

Số DN tạm dừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể trong năm 2020 ước tính là 101,7 nghìn DN, tăng 13,9% so với năm trước. Tuy nhiên, số DN dừng kinh doanh để làm thủ tục giải thể tăng cao, lên gần 17,5 nghìn DN (tăng 3,7%). Điều này khiến số DN rút khỏi thị trường trong năm bình quân khoảng 8,5 nghìn DN. Bên cạnh đó, rủi ro và áp lực tài chính đối với một số DN có thể gia tăng trong thời gian tới khi thời hạn của các chính sách hỗ trợ đã ban hành kết thúc.

Thứ hai, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đón nhận nhiều thông tin tích cực nhưng sự phục hồi trên thực tế còn chậm.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2020 đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài chưa cải thiện, chỉ đạt 7,5 tỷ USD, giảm 51% so với cùng kỳ năm 2019. Trong thời gian tới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài có thể tiếp tục gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 đang bùng phát trở lại ở nhiều quốc gia và đối tác quan trọng của Việt Nam. Mặc dù, hiện nay nhiều quốc gia đang tiến hành thử nghiệm vắc-xin phòng ngừa virus Corona nhưng nhiều nhà khoa học tin tưởng dịch Covid-19 chỉ có thể được dập tắt vào đầu năm 2022. Điều đó có nghĩa là nền kinh tế nước ta sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài trong năm tới.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI (%)



Nguồn: Báo cáo của Quỹ Tiền tệ quốc tế 2020

Thứ ba, mặc dù xuất siêu năm 2020 ở mức cao nhưng chủ yếu tập trung vào hai thị trường là Mỹ và Trung Quốc trong khi xuất khẩu vào EU và một số thị trường khác bị giảm.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) đã có những tác động tích cực nhất định nhưng còn chưa khai thác hết được tiềm năng. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) là cơ hội lớn nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, chủ yếu từ việc: (i) Nhiều đối tác trong hiệp định có cơ cấu sản phẩm tương tự Việt Nam và có năng lực cạnh tranh như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia… dẫn đến cạnh tranh có thể gay gắt, khốc liệt hơn trên cả thị trường xuất khẩu và nội địa; (ii) Lo ngại về việc khó có thể cải thiện, điều hòa cán cân thương mại với các nước trong hiệp định khi Việt Nam đang nhập siêu từ nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, các nước ASEAN nhưng lại đang xuất siêu lớn sang Mỹ. Điều đó có thể làm tăng nguy cơ về sự phụ thuộc kinh tế cũng như phải chịu các biện pháp phòng vệ thương mại trong tương lai.

Giải pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

2021 là năm diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội sẽ thông qua nhiều quyết sách quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của nước ta trong giai đoạn 2021 - 2030. Các quyết sách đó sẽ tạo ảnh hưởng tích cực cho sự phát triển kinh tế trong năm 2021. Để tiếp tục phục hồi và gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2021, Chính phủ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ nới lỏng nhằm duy trì đà phục hồi và kích thích tăng trưởng kinh tế; thực hiện có hiệu quả các biện pháp hỗ trợ bổ sung cho các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương cần chủ động ban hành và tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn, kích thích tổng cầu, tiêu dùng trong nước với trọng tâm là các ngành dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống, vận tải… để đạt được "mục tiêu kép", vừa hỗ trợ các ngành gặp khó khăn, vừa kích thích tăng trưởng, tạo việc làm cho người lao động.

Hai là, cải thiện môi trường kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho DN, nhất là về các thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; khuyến khích các hình thức giao dịch trực tuyến, đẩy nhanh việc triển khai hệ thống thanh toán điện tử nhằm hướng tới duy trì hiệu quả thị trường trong nước và góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia nhờ giảm thời gian và chi phí giao dịch.

Ba là, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của DN và các cơ quan nhà nước; Thực hiện các hoạt động đầu tư có hiệu quả để xây dựng nền tảng số nhằm hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của quốc gia; Tăng cường khả năng đổi mới sáng tạo trong DN và cơ quan nhà nước để thích ứng với quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, từ dựa trên năng suất lao động sang dựa trên đổi mới sáng tạo. Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng của quốc gia sẽ tạo nên những lực tác động mới tới DN, người dân và nhà nước và các chủ thể trong nền kinh tế cần có một hệ thống thể chế được nâng cấp và phù hợp với tiến trình chuyển đổi số, hội

nhập kinh tế quốc tế và chuyển biến nền kinh tế theo hướng dựa trên đổi mới sáng tạo.

Bốn là, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cần nghiêm túc quán triệt các nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ dự án của đơn vị phụ trách để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tập trung rà soát, đôn đốc chủ đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để giải quyết hồ sơ thanh toán, giải ngân, không để tồn đọng và áp lực thanh toán đến cuối năm.

Năm là, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu trên cơ sở nghiên cứu, nắm bắt thông tin kịp thời về các thị trường, sản phẩm còn dư địa khai thác trong bối cảnh đại dịch cũng như khả năng đáp ứng các FTA quan trọng như Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), EVFTA; Nghiên cứu, đánh giá tác động chi tiết ảnh hưởng của hiệp định RCEP đến các ngành, lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, nhất là sau khi Ấn Độ không tham gia hiệp định; phổ biến, cung cấp thông tin rộng rãi về hiệp định tới các DN, đặc biệt DN nhỏ và vừa và các DN thuộc ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng của hiệp định. Nghiên cứu kịch bản về chính sách thương mại trước sự thay đổi về chính trị của các quốc gia đối tác lớn.

Sáu là, tiếp tục theo dõi sát diễn biến đại dịch Covid-19 ở các nước, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch theo các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về dịch Covid-19. Các đơn vị có liên quan cần chuẩn bị sẵn sàng các phương án để kịp thời nối lại hoạt động thương mại, đầu tư với các quốc gia khác.

III. THỰC TRẠNG NĂM 2020 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2021 NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN

- Năm 2020, dịch Covid-19 khiến cho các doanh nghiệp bất động sản gặp khó khăn về dòng tiền bởi việc tổ chức mở bán dự án bị hoãn liên tục và nhu cầu thị trường sụt giảm mạnh. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến khoảng 80% sàn giao dịch bất động sản phải đóng cửa hoặc tạm ngừng hoạt động, không phát sinh giao dịch. Nhiều cá nhân môi giới thất nghiệp. Nhiều doanh nghiệp địa ốc chỉ giữ lại khoảng 50% cán bộ, nhân viên để duy trì hoạt động. Tính đến tháng 12/2020, có tới 1.272 doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng hơn 117% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo thống kê của Bộ Xây dựng, năm 2020, hầu hết các loại hình bất động sản đều chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19, khiến mức độ quan tâm của nhà đầu tư giảm mạnh.

Tuy nhiên, thị trường bất động sản cũng dần thích ứng với những thử thách của bối cảnh để cầm cự và nắm lấy cơ hội, tiếp tục tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 5 năm (2016 - 2020) của Bộ Xây dựng cho thấy, mặc dù bị ảnh hưởng khá nặng nề bởi dịch Covid-19, nhưng khi dịch bệnh dần được kiểm soát, hoạt động kinh doanh bất động sản trên cả nước đã bắt đầu sôi động trong những tháng cuối năm 2020, với nhiều dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ nhờ hàng loạt chính sách mới trực tiếp hỗ trợ thị trường, nhất là các Luật Đầu tư sửa đổi 2020, Luật Xây dựng sửa đổi 2020, Nghị định 25/2020/NĐ-CP quy định một số điều của Luật

Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và các thông tư về phát triển các loại hình bất động sản…

Năm 2021, thị trường bất động sản hứa hẹn cơ hội phục hồi và phát triển mạnh mẽ trên cơ sở các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, sự linh hoạt của các doanh nghiệp…, đặc biệt là yếu tố tăng trưởng của nền kinh tế.

- Mặc dù một số phân khúc gần như tê liệt vì dịch bệnh, song vẫn có phân khúc tỏa sáng như bất động sản công nghiệp. Việc Việt Nam tham gia một loạt hiệp định thương mại tự do (FTAs), hứa hẹn thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài. Các chính sách ưu đãi thuế của Chính phủ cũng là một chất xúc tác thu hút đầu tư... Dự báo bất động sản công nghiệp tiếp tục là "điểm sáng" hút vốn trong năm 2021.
- Tuy nhiên, đến quý IV/2020, cả nước có 295 dự án, với 125.449 căn hộ được cấp phép; du lịch nghỉ dưỡng có 49 dự án, với 3.772 căn hộ du lịch, 3.505 biệt thự du lịch và 48 căn văn phòng kết hợp lưu trú được cấp phép. Tổng hợp từ 56/63 địa phương có báo cáo số liệu cho thấy, số lượng nhà ở đủ điều kiện bán trong quý IV/2020 tăng tới 82% so với quý III/2020, nhất là có 36.884 giao dịch bất động sản thành công… Đó là những điểm sáng của thị trường, khi dịch Covid-19 dần được kiểm soát.
- 2020 là một năm nhiều nốt trầm với thị trường bất động sản. Tuy nhiên, thị trường được dự báo sớm phục hồi và phát triển lớn mạnh trong giai đoạn tiếp theo 2021 - 2022 nhờ khung khổ pháp lý dần được hoàn thiện: hàng loạt chính sách mới trực tiếp hỗ trợ thị trường, nhất là các Luật Đầu tư sửa đổi 2020, Luật Xây dựng sửa đổi 2020, Nghị định 25/2020/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và các thông tư về phát triển các loại hình bất động sản; Luật sửa đổi một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14); Các chính sách bổ sung về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất condotel, officetel; thúc đẩy các dự án chậm triển khai và các chính sách liên quan như nới lỏng tín dụng ngân hàng; giảm thuế, quỹ và các công cụ tài chính; tăng trách nhiệm cho chủ đầu tư…, sẽ đảm bảo cho thị trường vượt qua giai đoạn khó khăn.
- Sự trỗi dậy của các vùng đất mới: quỹ đất ở các thị trường lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh đang dần cạn kiệt, theo đó, sự trỗi dậy của những vùng đất mới đã trở thành một trong những xu hướng chính chiếm lĩnh thị trường bất động sản nhiều năm trở lại đây. Xu hướng này sẽ không giảm tốc trong năm 2021. Hạ tầng giao thông kết nối giữa địa phương với các khu vực trung tâm ngày một phát triển giúp cho việc đi lại trở nên thuận tiện hơn, càng tạo lực đẩy cho nhà đầu tư mạnh dạn đón sóng ở các thị trường mới nổi. Những dự án giao thông lớn có tác động mạnh mẽ đến thị trường bất động sản ở cả 3 miền.

HVC GROUP PHÁT TRIỂN AN TOÀN VÀ BỀN VỮNG

Bước qua khủng hoảng dịch bệnh Covid 19 an toàn, HVC Group vẫn kiên định phát triển theo hướng bền vững trên cơ sở duy trì vị thế ngành Tổng thầu thiết bị vui chơi giải trí cao cấp, Hướng tới TOP 3 ngành tổng thấu cơ điện uy tín nhất Việt Nam; đẩy mạnh đầu tư phát triển khoa học công nghệ bên cạnh việc duy trì nguồn vốn an toàn, đảm bảo đời sống người lao động và thực hiện trách nhiệm với xã hội. Cụ thể như sau:

*** Ngành thiết bị vui chơi giải trí cao cấp**



10 năm kể từ khi thành lập, HVC Group luôn giữ vị thế tiên phong trong ngành Tổng thầu thiết bị vui chơi giải trí tại Việt Nam với việc là tổng thầu thiết kế, cung cấp, lắp đặt hàng nghìn bể bơi trên khắp Việt Nam; gần 30 công viên nước, gần 10 sân trượt băng nghệ thuật quy mô biểu diễn, thi đấu; các thủy cung đại dương lớn nhất nước, ...

Định hướng cho thời gian tới, HVC tiếp tục phát huy thế mạnh về nhân sự và công nghệ trong ngành, chào thầu tham gia vào các đại dự án để khẳng định vị thế. HVC Group cũng định hướng phát triển các công nghệ giải trí mới tại Việt Nam phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

*** Ngành tổng thầu cơ điện**

- Rất nhanh chóng sau 3 năm gia nhập thị trường, nghành tổng thầu cơ điện của HVC Group đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường nhiều cạnh tranh với vị thế TOP 5 tại Việt Nam.
- HVC Group hiện là tổng thầu thi công đa dạng các loại hình cơ điện M&E bao gồm: Cơ điện tòa nhà cao tầng, cơ điện hạ tầng, cơ điện trung tâm thương mại, Cơ điện các khách sạn cao cấp, ...
- HVC Group hiện là nhà thầu của nhiều dự án lớn như: Vinhomes Grand Park; Khu đô thị Vân Canh An Lạc, Khách sạn cao cấp 4 sao Mỹ An (Huế);

- Mục tiêu đến năm 2023, HVC Group sẽ chinh phục Top 3 nhà thầu cơ điện uy tín tại Việt Nam.



*** Ngành sản xuất thiết bị**

HVC Group kiên định mục tiêu tăng trưởng không thể tách rời chiến lược phát triển bền vững và sản xuất sạch, gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển hài hòa sản xuất, tiêu thụ, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

Trong năm 2020 nói riêng và trong suốt quá trình thành lập, phát triển tại nhà máy sản xuất thiết bị HVC Hưng Yên, HVC Group triển khai tăng cường công nghệ mới sử dụng máy móc, dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại, tiết kiệm nhiều năng lượng nhằm bảo vệ môi trường sinh thái.

HVC Hưng Yên đảm bảo sản xuất đáp ứng được các đơn hàng dự án HVC Group thực hiện và cung cấp cho thị trường với mục tiêu tăng trưởng bền vững hàng năm.



*** Văn hóa doanh nghiệp và Quản trị nhân sự**

- Coi con người là yếu tố tiên quyết trong thành công của Doanh nghiệp, Ban lãnh đạo HVC luôn tào điều kiện để mỗi cá nhân có cơ hội phát triển năng lực bản thân. Các biện pháp được áp dụng bao gồm: Cải tạo môi trường làm việc, tăng cường thể lực, đào tạo chuyên môn, ….

Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

• Với mục tiêu lựa chọn những hạt nhân xuất sắc trong nội bộ để đào tạo thành vị trí quản lý, năm 2020, HVC đã thành công trong việc bố trí nhân sự tại những vị trí quản lý cấp trung và cao. Những người nhận nhiệm vụ đều là những người hiểu văn hóa Doanh nghiệp, hiểu Quy trình làm việc và có quá trình thử thách chuyên môn.

• Các nhân sự tại HVC được đánh giá định kỳ qua tiêu chuẩn đánh giá KPIs, qua đó cụ thể hóa được mục tiêu công việc của mỗi các nhân và đánh giá khách quan kết quả công việc.

Chính sách phúc lợi – đãi ngộ

• Công đoàn công ty được ra mắt để chăm lo cho đời sống cán bộ công nhân viên

• Định kỳ điều chỉnh lương theo hiệu quả công việc, các trường hợp có thành tích xuất sắc được tăng lương và khen thưởng kịp thời.

• Được quyền góp vốn tại các công ty con mới thành lập, mua cổ phiếu ưu đãi

• Thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho CBNV có thành tích nổi bật.

• Các chính sách phúc lợi về nghỉ mát, bảo hiểm, trợ cấp khó khăn, hiếu, hỉ, ….

• Tạo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn cho người lao động.



*** Văn hóa doanh nghiệp**

Đề cao tinh thần đoàn kết

- Trong tất cả hoàn cảnh, môi trường, địa điểm làm việc nào, người HVC cũng nêu cao tinh thần đoàn kết. Tinh thần đoàn kết là sự gắn kết bền chặt giữa các cá nhân với nhau trọng một tập thể, giúp mọi người gần nhau hơn, giúp cho con người cảm thấy bản thân mình không bị cô độc, lạc lõng, tạo động lực để phấn đấu đến những điều tốt đẹp.

Tinh thần trách nhiệm

- Trách nhiệm với công việc, với môi trường, với pháp luật và một văn hóa được nêu cao tại HVC

Đề cao tinh thần tương thân tương ái

- Phát huy tinh thần "Thành viên của HVC không ai bị bỏ lại phía sau trong lúc khó khăn'',Trong suốt hành trình xây dựng và phát triển, bên cạnh trách nhiệm với cộng đồng, HVC Group luôn quan tâm đến đời sống của CBCNV, chia sẻ tới những hoàn cảnh đặc biệt của các thành viên trong mái nhà chung. Đây cũng là một trong các sứ mệnh mang tính nhân văn mà HVC Group luôn hướng tới.

Trách nhiệm xã hội với cộng đồng

- Thiện nguyện từ lâu đã được xem như là một hoạt động thường xuyên không thể thiếu của HVC Group, thể hiện tính nhân văn trong giá trị cốt lõi của Doanh nghiệp. Trong những năm qua, HVC Group đã tích cực tham gia nhiều chương trình vì cộng đồng như: xây nhà tình nghĩa, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, đóng góp các quỹ phát triển cộng đồng





*** An toàn lao động và Bảo vệ môi trường**

HVC Group luôn đảm bảo cho người lao động có quyền làm việc trong điều kiện an toàn và vệ sinh. Đồng thời đào tạo, hướng dẫn để người lao động đang làm việc tại đơn vị phải có kiến thức về bảo hộ lao động, các tiêu chuẩn về ATLĐ, VSLĐ (An toàn lao động, vệ sinh lao động) có liên quan đến công việc và nhiệm vụ của mình.

- Trước khi mỗi dự án, Công ty hành kiểm tra sức khỏe, huấn luyện kỹ thuật ATLĐ và biện pháp đảm bảo ATLĐ . Sau khi huấn luyện xong lập danh sách mua bảo hiểm và cấp thẻ ATLĐ cho từng người đã được huấn luyện.
- Mua bảo hiểm cho máy móc thiết bị thi công các công trình phục vụ thi công theo quyết định số 663TC/QĐ-TCNH ngày 24-06-1995 của bộ tài chính.
- Toàn thể cán bộ, công nhân viên và những người lao động làm việc trên công trường luôn luôn tuân thủ các qui định về ATLĐ theo TCVN 5308-91 về qui phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng và các tiêu chuẩn về ATLĐ theo qui định hiện hành của Nhà nước cụ thể như sau :
- Tổ chức treo các biển báo ATLĐ đặt ở những nơi dễ nhìn, dễ thấy và ở những vị trí có thể xảy ra tai nạn để nhắc nhỡ người lao động thường xuyên chú ý quan tâm đến công tác ATLĐ là quan tâm đến cuộc sống của chính mình.
- Phải kiểm tra tình trạng máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ thi công trước khi vận hành. Những người không có trách nhiệm, chưa được học tập qui trình kỹ thuật vận hành, chưa được giao nhiệm vụ thi công thì không được tùy tiện vận hành sửa chữa máu móc thiết bị thi công.
- Để đảm bảo an toàn trong lao động, các trang bị bảo hộ cá nhân cần phải được kiểm tra kỹ trước khi sử dụng. Cán bộ kỹ thuật hoặc tổ trưởng sản xuất chịu trách nhiệm hướng dẫn cách sử dụng cho người lao động.
- Cán bộ, Công nhân khi không được tự ý mang theo chất Nổ, Chất Gây Cháy, vũ khí vào Công trường. Không được mang theo hoặc sử dụng Rượu Bia, Chất Kích Thích,tổ chức Nấu nướng trong Công trường.
- Đường điện, nước phục vụ thi công phải bố trí gọn gàng không gây trở ngại cho người, xe cộ và các phương tiện phục vụ thi công trên công trường.
- Có tủ thuốc cấp cứu tại hiện trường, Có Danh bạ điện thoại các số Khẩn cấp của các cơ quan chức năng đóng trên địa bàn.

CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG :

-Nước thải thi công và sinh hoạt thoát đúng nơi quy định

-Vật liệu xây dựng, vật liệu thừa, phế thải, được tập kết từng khu vực riêng lẻ, gọn gàng và hợp lý.

- Cán bộ phụ trách ATLĐ thường xuyên trực tiếp đến công trường để kiểm tra công tác ATLĐ, tổ chức hướng dẫn thực hiện tốt công tác ATLĐ và VSMT. Những cá nhân nào vi phạm phải được xử lý thích đáng, thực hiện tốt được biểu dương và tổ chức khen thưởng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (dưới đây gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC ("Công ty mẹ") và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên ("Công ty con"); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC ("Công ty con") và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park ("Công ty con") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 21 (lần gần nhất) ngày 25 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 219.499.950.000 đồng.v

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Hoạt động của Công ty là:

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thiết bị gia dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: dịch vụ ủy thác mua bán hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: dịch vụ trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: hoạt động của các khu giải trí, bãi biển bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Hữu Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Huy Cường	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Duy	Thành viên [miễn nhiệm ngày 24/06/2020]
Ông Trương Thanh Tùng	Thành viên [bổ nhiệm ngày 24/06/2020]
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên độc lập
Ông Haihui Liu	Thành viên độc lập

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban [bổ nhiệm ngày 10/08/2020]
Bà Đào Thị Dung	Thành viên [miễn nhiệm chức danh Trưởng ban và bổ nhiệm chức danh Thành viên từ ngày 10/08/2020]
Bà Đỗ Thị Lê	Thành viên [bổ nhiệm ngày 24/06/2020]
Ông Vũ Danh Nam	Thành viên [miễn nhiệm ngày 24/06/2020]

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Huy Cường	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật [miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 14/07/2020]
Ông Trần Hữu Đông	Tổng Giám đốc [miễn nhiệm ngày 14/07/2020]
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Duy	Phó Tổng Giám đốc [miễn nhiệm ngày 03/07/2020]
Bà Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Theo Quyết định số 500/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết, tổng số lượng cổ phiếu Công ty phát hành để trả cổ tức năm 2019 (10%) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 là 1.949.995 cổ phần. Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ tương ứng số cổ phần này 19.499.950.000 đồng và tăng số vốn điều lệ của công ty lên 219.499.950.000 đồng trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngoài sự việc nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 02/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 15.000.000 cổ phiếu tương ứng 150.000.000.000 đồng và tăng vốn điều lệ của Công ty lên 369.499.950.000 đồng. Tại ngày 10 tháng 03 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu

cho cổ đông hiện hữu.

Ngoài sự việc nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông

tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Tp. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Tp. Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch

Trần Hữu Đông

Số: ……../2021/BCKT-PKF.HCM *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 09 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và

thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Tô Bửu Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1201-2018-242-1

Võ Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4107-2017-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**242.780.771.281**	**314.588.013.748**
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.182.296.893	76.683.297.361
Tiền	111		4.772.296.893	5.785.897.361
Các khoản tương đương tiền	112		410.000.000	70.897.400.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.800.000.000	33.222.750.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2a	-	28.922.750.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2b	14.800.000.000	4.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.212.332.969	141.981.067.894
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	120.813.226.766	115.077.831.757
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	30.497.068.633	6.979.330.997
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	15.534.898.554	20.576.451.755
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(4.632.860.984)	(652.546.615)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		56.855.692.787	59.213.569.345
Hàng tồn kho	141	5.7	56.855.692.787	59.213.569.345
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.730.448.632	3.487.329.148
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	15.791.667	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.603.265.642	3.487.329.148
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	111.391.323	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**226.556.465.555**	**66.179.821.383**
Các khoản phải thu dài hạn	210		92.400.000	160.820.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	92.400.000	160.820.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		61.084.345.284	64.549.727.136
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	61.084.345.284	64.549.727.136
- Nguyên giá	222		71.425.409.035	71.103.062.670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.341.063.751)	(6.553.335.534)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.030.767.364	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.10	45.030.767.364	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.820.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.11	119.820.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		528.952.907	1.469.274.247
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	528.952.907	1.422.952.204
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	46.322.043
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**469.337.236.836**	**380.767.835.131**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**152.067.298.781**	**85.992.484.819**
NỢ NGẮN HẠN	**310**		**152.067.298.781**	**85.992.484.819**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	58.446.452.188	49.088.608.719
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	19.325.048.007	18.434.462.235
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.823.215.682	14.257.881.743
Phải trả người lao động	314		3.331.258.615	3.467.393.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	116.166.667	200.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	7.390.627	43.200.555
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	65.691.495.680	8.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	326.271.315	492.938.567
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
NỢ DÀI HẠN	**330**		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**317.269.938.055**	**294.775.350.312**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**410**	**5.19**	**317.269.938.055**	**294.775.350.312**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		219.499.950.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219.499.950.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	(8.500.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.179.864.420	92.026.950.332
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62.777.000.332	46.347.443.814
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.402.864.088	45.679.506.518
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.980.816.835	11.248.399.980
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**440**		**469.337.236.836**	**380.767.835.131**

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Kim Cúc	Vũ Thị Ngà	Đỗ Huy Cường

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	405.245.025.996	526.343.793.843
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	405.245.025.996	526.343.793.843
Giá vốn hàng bán	11	6.2	336.073.079.657	435.605.184.146
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.171.946.339	90.738.609.697
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.506.562.227	4.324.456.859
Chi phí tài chính	22	6.4	885.136.057	2.227.455
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		884.543.038	2.227.455
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	6.748.257.983	5.522.490.269
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	34.131.319.274	30.802.419.235
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.913.795.252	58.735.929.597
Thu nhập khác	31	6.7	206.966.609	152.972.517
Chi phí khác	32	6.8	542.963.850	974.016.147
Lợi nhuận khác	40		(335.997.241)	(821.043.630)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.577.798.011	57.914.885.967
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	4.796.195.024	11.732.191.165
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.11	46.322.043	(46.322.043)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.735.280.944	46.229.016.845
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		22.402.864.088	45.679.506.518
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.332.416.856	549.510.328
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.12	1.104	2.290
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	635	2.290

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Kim Cúc	Vũ Thị Ngà	Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	28.577.798.011	57.914.885.967
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.787.728.217	3.299.836.475
- Các khoản dự phòng	03	3.813.647.117	(1.008.066.480)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.399.736.593)	(3.981.159.411)
- Chi phí lãi vay	06	884.543.038	2.227.455
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.663.979.790	56.227.724.006
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(48.056.619.947)	(17.238.368.563)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.357.876.558	12.462.464.842
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	36.490.562.145	25.690.111.864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	878.207.630	878.884.760
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(848.376.371)	(2.227.455)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.847.095.867)	(10.304.277.187)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**14.638.533.938**	**67.514.312.267**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(45.901.277.029)	(9.154.611.286)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	909.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.500.000.000)	(33.222.750.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.915.070.000	35.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(119.820.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.470.820.000	26.250.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	653.050.143	2.805.096.313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(146.182.336.886)**	**22.586.825.936**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tài sản	Mã số	31/12/2020	01/01/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.109.306.800	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(8.500.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	124.833.877.713	8.679.823.596
Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.150.382.033)	(8.671.823.596)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.750.000.000)	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**60.042.802.480**	**(28.492.000.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**	**(71.501.000.468)**	**61.609.138.203**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	76.683.297.361	15.074.159.158
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.182.296.893	76.683.297.361

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Kim Cúc	Vũ Thị Ngà	Đỗ Huy Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 21 (lần gần nhất) ngày 25 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 219.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03 (ba) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Số 39 đường 19, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Tầng 1, Trung tâm thương mại Forprodex Cầu Tiên, số 1111 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên	Địa chỉ	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.	84,86%	84,86%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	95,00%	95,00%

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỉ lệ lợi ích	Tỉ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	Xóm Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Xây dựng nhà để ở	42,59%	45,00%

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 84,86% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 42,59%.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC ("Công ty mẹ") và ba công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên ("Công ty con"); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC ("Công ty con") và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

-Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các công trình đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị: 05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

(i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

(ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

(iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

phân loại là ngắn hạn;

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2020 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành đối với các công trình thi công lắp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

đặt được xét theo từng công trình, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

(i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.

(ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

toán một cách tin cậy.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

(iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt	331.665.754	773.793.167
Tiền gửi ngân hàng	4.440.631.139	5.012.104.194
Các khoản tương đương tiền (i)	410.000.000	70.897.400.000
Cộng	**5.182.296.893**	**76.683.297.361**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	-	28.922.750.000	-	33.681.400.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An	-	-	-	28.922.750.000	-	33.681.400.000
Cộng	-	-	-	**28.922.750.000**	**-**	**33.681.400.000**

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (I)	14.800.000.000	14.800.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Cộng	**14.800.000.000**	**14.800.000.000**	**4.300.000.000**	**4.300.000.000**

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Hội sở; thời hạn 03 tháng đến 12 tháng; lãi suất từ 5,0%/năm đến 7,2%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	**120.813.226.766**	**115.077.831.757**
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	66.142.363.639	24.759.678.739
Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	-	16.662.667.500
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	4.124.593.884	14.653.566.727
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	6.980.611.464	-
Công ty Cổ phần Muchentec Việt Nam	10.734.535.299	-
Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Vinpearl	3.903.729.792	3.878.711.261
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An	2.581.835.426	-
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	2.091.579.055	2.113.549.803
Các khách hàng khác	14.653.978.207	43.409.657.727
Cộng	**120.813.226.766**	**115.077.831.757**

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Công ty Cổ phần Bể bơi Thông minh Spool	24.321.956.885	924.447.314
Công ty TMCN Sản xuất mới	2.290.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.885.111.748	6.054.883.683
Cộng	**30.497.068.633**	**6.979.330.997**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.5 Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.558.855.121	-	11.425.439.507	-
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	2.147	-
Ký cược, ký quỹ	11.096.878.940	-	6.443.535.266	-
Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.402.352	-	3.399.188	-
Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10.489.322.963	-	6.226.836.078	-
Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam	237.973.215	-	-	-
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	366.180.410	-	213.300.000	-
Phải thu khác	2.879.164.493	-	2.707.474.835	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	445.568.493	-	162.022.043	-
Kết Chuyển tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD	2.433.596.000		2.433.596.000	
cho UBND huyện Khoái Châu		-		-
Phải thu khác	-	-	111.856.792	-
Cộng	**15.534.898.554**		**20.576.451.755**	

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	92.400.000	-	160.820.000	-
Cộng	**92.400.000**	-	**160.820.000**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	10.312.860.984	5.680.000.000	712.860.983	60.314.368
- Từ 03 năm trở lên	712.860.984	-	511.813.091	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.092	-	154.253.091	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	-	-	-
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	13.975.400	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	-	-	-
- Từ 02 đến dưới 03 năm	-	-	201.047.892	60.314.368
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	-	-	75.637.210	22.691.163
- Nhà thiếu nhi Tỉnh Hải Dương	-	-	13.975.400	4.192.620
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	-	-	79.437.673	23.831.302
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	-	-	31.997.609	9.599.283
- Từ 01 đến dưới 02 năm	9.600.000.000	5.680.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	5.680.000.000	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	311.717.478	-	256.404.037	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.735.708.498	-	42.848.789.187	-
Hàng hóa	22.808.266.811	-	16.108.376.121	-
Cộng	**56.855.692.787**	-	**59.213.569.345**	-

5.8 Chi phí trả trước

a. Phải thu ngắn hạn khác

	01/01/2020 (VND)	Tăng trong năm (VNĐ)	Phân bổ chi phí trong năm (VNĐ)	31/12/2020 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	19.500.000	(3.708.333)	15.791.667
Cộng	-	**19.500.000**	**(3.708.333)**	**15.791.667**

b. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2020 (VND)	Tăng trong năm (VNĐ)	Phân bổ chi phí trong năm (VNĐ)	31/12/2020 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.422.952.204	172.033.114	(1.066.032.411)	528.952.907
Cộng	**1.422.952.204**	**172.033.114**	**(1.066.032.411)**	**528.952.907**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2020	57.703.717.181	10.733.760.996	1.942.491.582	723.092.911	71.103.062.670
Mua trong năm	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	286.346.365	-	-	-	286.346.365
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/12/2020	57.990.063.546	10.769.760.996	1.942.491.582	723.092.911	71.425.409.035
Trong đó:					
Thế chấp, cầm cố (*)	26.398.166.016	-	673.545.691	-	27.071.711.707
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	170.818.182	260.000.000	625.278.182	-	1.056.096.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2020	4.275.433.281	1.173.150.846	1.002.756.755	101.994.651	6.553.335.534
Khấu hao trong năm	2.670.022.485	760.157.317	266.189.127	91.359.288	3.787.728.217
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/12/2020	6.945.455.766	1.933.308.163	1.268.945.882	193.353.939	10.341.063.751
Giá trị còn lại					
01/01/2020	53.428.283.900	9.560.610.150	939.734.827	621.098.260	64.549.727.136
31/12/2020	51.044.607.780	8.836.452.833	673.545.700	529.738.972	61.084.345.284

(*) Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 27.071.711.707 đồng, xem thuyết minh số 5.17.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	42.293.782.000	-
Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất	2.736.985.364	-
Cộng	**45.030.767.364**	**-**

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	01/01/2020 (VNĐ)	Đầu tư mới trong năm (VNĐ)	Phân chia lãi (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm (VND)	31/12/2020 (VND)
Công ty Cổ phần Gỗ Chí Thành	-	119.820.000.000	-	119.820.000.000
Tổng	**-**	**119.820.000.000**	**-**	**119.820.000.000**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

	31/12/2020			01/01/2020		
Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	42,59%	45,00%	119.820.000.000	0,00%	0,00%	-
Tổng			**119.820.000.000**			**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 84,86% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 42,59%.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Bateco Việt Nam	11.547.403.694	11.547.403.694	-	-
Công ty TNHH Vật liệu điện Duy Tân	6.408.312.596	6.408.312.596	-	-
Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây dựng Tiến Huy	2.410.227.605	2.410.227.605	374.014.679	374.014.679
Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Gia Vinh	2.225.114.538	2.225.114.538	5.472.043.653	5.472.043.653
Các nhà cung cấp khác	31.838.515.969	31.838.515.969	39.225.672.601	39.225.672.601
Tổng	**58.446.452.188**	**58.446.452.188**	**49.088.608.719**	**49.088.608.719**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Công ty Cổ phần Vinhomes	9.531.319.915	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	4.297.259.460	6.477.747.632
Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc	-	5.447.510.194
Chi nhánh Nha Trang Công ty Cổ phần Vinpearl	2.145.228.045	-
Các khách hàng khác	3.351.240.587	6.509.204.409
Tổng	**19.325.048.007**	**18.434.462.235**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	**2.579.709.901**	**2.579.709.901**	**13.742.949.983**	**13.742.949.983**
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.673.811.823	2.673.811.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.523.670.113	2.523.670.113	10.953.952.538	10.953.952.538
Thuế thu nhập cá nhân	56.039.788	56.039.788	75.148.822	75.148.822
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	40.036.800	40.036.800
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	**211.312.022**	**211.312.022**	**195.271.069**	**195.271.069**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	211.312.022	211.312.022	189.965.293	189.965.293
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	5.305.776	5.305.776
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	**1.174.041.571**	**1.174.041.571**	**281.219.851**	**281.219.851**
Thuế giá trị gia tăng	244.357.179	244.357.179	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	890.007.476	890.007.476	264.737.196	264.737.196
Thuế thu nhập cá nhân	39.676.916	39.676.916	16.482.655	16.482.655
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	**858.152.188**	**858.152.188**	**38.440.840**	**38.440.840**
Thuế giá trị gia tăng	77.121.162	77.121.162	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	771.205.413	771.205.413	38.440.840	38.440.840
Thuế thu nhập cá nhân	9.825.613	9.825.613	-	-
Tổng	**4.823.215.682**	**4.823.215.682**	**14.257.881.743**	**14.257.881.743**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Chi phí lãi vay	36.166.667	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.000.000	200.000.000
Tổng	**116.166.667**	**200.000.000**

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Bảo hiểm bắt buộc	3.990.938	931.875
Ông Lê Văn Cường (*)	-	42.268.680
Các khoản phải trả khác	3.399.689	-
Tổng	**7.390.627**	**43.200.555**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**65.691.495.680**	**65.691.495.680**	**8.000.000**	**8.000.000**
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	51.144.852.535	51.144.852.535	-	-
HĐ mức/hạn mức bao thanh toán số HS0202013054412/ HDBTT ngày 17/06/2020 (i)	4.837.829.977	4.837.829.977	-	-
HĐ tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014 và các phụ lục (ii)	34.243.539.852	34.243.539.852	-	-
HĐ mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201434/HDBTT ngày 09/09/2020 (iii)	3.476.069.347	3.476.069.347	-	-
HĐTD số HSO201912765137/HĐTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HSO201912765137/HĐTD/PL.17112020 ngày 18/09/2020 (iv)	5.452.905.423	5.452.905.423	-	-
HĐ mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201419/HDBTT ngày 09/09/2020 (v)	844.903.063	844.903.063	-	-
HĐTD số HSO201912765135/HĐTD ngày 23/11/2019, PL số HSO201912765135/HĐTD/PL.20200918 ngày 18/09/2020 và PL số HSO201912765135/HĐTD/PL09112020 ngày 09/11/2020 (vi)	2.289.604.873	2.289.604.873	-	-
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam Chi Nhánh Thành Công (vii)	7.546.643.145	7.546.643.145	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt (viii)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Ông Lê Văn Cường	-	-	8.000.000	8.000.000
Tổng	**65.691.495.680**	**65.691.495.680**	**8.000.000**	**8.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn

	01/01/2020 (VND)	Nhận tiền vay trong kỳ (VND)	Trả tiền vay trong kỳ (VND)	31/12/2020 (VND)
Vay ngắn hạn	**8.000.000**	**124.833.877.713**	**(59.150.382.033)**	**65.691.495.680**
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở	-	83.833.877.713	(32.689.025.178)	51.144.852.535
HĐ mức/hạn mức bao thanh toán số HS0202013054412/ HDBTT ngày 17/06/2020 (i)	-	6.850.934.151	(2.013.104.174)	4.837.829.977
HĐ tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014 và các phụ lục (ii)	-	64.288.654.568	(30.045.114.716)	34.243.539.852
HĐ mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201434/HDBTT ngày 09/09/2020 (iii)	-	3.476.069.347	-	3.476.069.347
HĐTD số HSO201912765137/HĐTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HSO201912765137/HĐTD/PL.17112020 ngày 18/09/2020 (iv)	-	6.083.711.711	(630.806.288)	5.452.905.423
HĐ mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201419/HDBTT ngày 09/09/2020 (v)	-	844.903.063	-	844.903.063
HĐTD số HSO201912765135/HĐTD ngày 23/11/2019, PL số HSO201912765135/HĐTD/PL.20200918 ngày 18/09/2020 và PL số HSO201912765135/HĐTD/PL09112020 ngày 09/11/2020 (vi)	-	2.289.604.873	-	2.289.604.873
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam Chi Nhánh Thành Công (vii)	-	20.000.000.000	(12.453.356.855)	7.546.643.145
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt (viii)	-	17.000.000.000	(10.000.000.000)	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Inbus	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Ông Lê Văn Cường	**8.000.000**	-	(8.000.000)	-
Tổng	**8.000.000**	**124.833.877.713**	**(59.150.382.033)**	**65.691.495.680**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS0202013054412/HDBTT ngày 17/06/2020 với hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 37.700.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày 17/06/2020, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HS020140019/HĐHMTD ngày 09/09/2014, Phụ lục số HS020140019/HĐMTD/PL.202005 ngày 30/05/2020 và Phụ lục số HS020140019/HĐMTD/PL.09112020 ngày 09/11/2020 với hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 34.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 120.000.000.000 đồng đồng, hạn mức L/C là 30.000.000.000 đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết phụ lục, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201434/HDBTT ngày 09/09/2020 với hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 10.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày 09/09/2020, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HSO201912765137/HĐTD ngày 23/11/2019 và Phụ lục số HSO201912765137/HĐTD/PL.17112020 ngày 18/09/2020 với hạn mức tín dụng là 22.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 6 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 22 tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 18/09/2020 đến ngày 18/09/2021, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

(v) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng mức/hạn mức bao thanh toán số HS020201419/HDBTT ngày 09/09/2020 với hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 5.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức bao thanh toán nội địa người bán là 12 tháng kể từ ngày 09/09/2020, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

(vi) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số HSO201912765135/HĐTD ngày 23/11/2019, Phụ lục số HSO201912765135/HĐTD/PL.20200918 ngày 18/09/2020 và Phụ lục số HSO201912765135/HĐTD/PL09112020 ngày 09/11/2020 với hạn mức tín dụng là 14.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay là 3 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 14 tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 18/09/2020 đến ngày 18/09/2021, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể như sau:

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201700599 ngày 12/04/2017 là xe ô tô Ford Ranger XLS 29C 759.29 thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201812333176 ngày 12/12/2018 là xe ô tô Kia Rondo 30F 47892 thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO201912702165/HDTC ngày 30/10/2019 là nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất tại xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu của Công ty TNHH HVC Hưng Yên.

+ Hợp đồng thế chấp số HSO202012909659/HDTC ngày 04/03/2020 là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán bất động sản tại "Dự án Hồ Gươm Plaza" thuộc sở hữu của Công ty.

(vii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/20/CTD/6296805 ngày 14/10/2020, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/20/HM/6296805 ngày 14/10/2020 và Hợp đồng phát hành thư tín dụng hạn mức số 01/20/LC/6296805 ngày 14/10/2020, Thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 01/20/BL/6296805 ngày 14/10/2020 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng (hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 40 tỷ đồng, hạn mức L/C là 35 tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất

cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng là từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 31/08/2021, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Cụ thể như sau:

+ Thế chấp tài sản là tài sản gắn liền với đất tại nhà máy HVC Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 790946, số vào sổ cấp GCN: CT08237 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 19/02/2019 theo Thợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 1740 ngày 06/10/2020 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH HVC Hưng Yên.

+ Thế chấp các khoản phải thu phát sinh từ các Hợp đồng đã và sẽ ký giữa Ngân hàng và Công ty theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 01/20/HĐTCQTS/629805 ngày 14/10/2020.

(viii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trí Việt theo Hợp đồng cho vay tiền số 2910/HĐVT/HVC-TRIVIET ngày 29/10/2020 với giá trị khoản vay là 17 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu thanh toán hợp pháp hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn của khoản vay là 03 tháng kể từ ngày theo ngày giải ngân khoản vay. Lãi suất cho vay 3%/năm được duy trì trong suốt thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản bảo đảm

5.18 Dự phòng phải trả

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	326.271.315	492.938.567
Tổng	**326.271.315**	**492.938.567**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2019	200.000.000.000	-	-	66.547.443.814	641.158.333	267.188.602.147
Lãi trong năm trước	-	-	-	45.679.506.518	549.510.328	46.229.016.845
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(8.500.000.000)	-	-	(8.500.000.000)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	10.100.000.000	10.100.000.000
Chia lợi nhuận cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(42.268.681)	(42.268.681)
Chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 20/04/2019	-	-	-	(20.000.000.000)	-	(20.000.000.000)
Chi trả thù lao cho HĐQT và Ban KS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 20/04/2019	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
31/12/2019	200.000.000.000	-	(8.500.000.000)	92.026.950.332	11.248.399.980	294.775.350.311
01/01/2020	200.000.000.000	-	(8.500.000.000)	92.026.950.332	11.248.399.980	294.775.350.311
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	22.402.864.088	1.332.416.856	23.735.280.944
Tái phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	(4.390.693.200)	8.500.000.000	-	-	4.109.306.800
Cổ đông không kiểm soát góp vốn trong năm	-	-	-	-	4.400.000.000	4.400.000.000
Chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/06/2020	19.499.950.000	-	-	(19.499.950.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/06/2020	-	-	-	(9.750.000.000)	-	(9.750.000.000)
31/12/2020	219.499.950.000	(4.390.693.200)	-	85.179.864.420	16.980.816.835	317.269.938.055

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	19.499.950.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	219.499.950.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.249.950.000	20.000.000.000
Bằng tiền mặt	9.750.000.000	20.000.000.000
Bằng cổ phiếu	19.499.950.000	-

Cổ phiếu

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.949.995	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.949.995	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.949.995	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	(500.000)
Cổ phiếu phổ thông	-	(500.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.949.995	19.500.000
Cổ phiếu phổ thông	21.949.995	19.500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tổng doanh thu	**405.245.025.996**	**526.343.793.843**
Doanh thu bán hàng hóa	54.561.601.211	149.795.897.344
Doanh thu bán thành phẩm	31.190.319.252	31.082.248.377
Doanh thu thi công lắp đặt công trình	319.392.355.533	345.363.648.122
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.750.000	102.000.000
Doanh thu thuần	**405.245.025.996**	**526.343.793.843**

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Giá vốn hàng hóa	48.914.551.246	145.261.169.636
Giá vốn thành phẩm	24.384.982.424	25.601.833.773
Giá vốn thi công lắp đặt công trình	262.773.545.988	264.742.180.737
Cộng	**336.073.079.657**	**435.605.184.146**

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền gửi ngân hàng	997.696.479	3.039.722.489
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	463.140.000	1.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.725.748	34.734.370
Cộng	**1.506.562.227**	**4.324.456.859**

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí lãi vay	884.543.038	2.227.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá	593.019	-
Cộng	**885.136.057**	**2.227.455**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí vật liệu, bao bì, đồ dùng	-	22.770.000
Chi phí bảo hành	189.510.833	561.828.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.065.447.150	1.264.654.768
Chi phí bằng tiền khác	5.493.300.000	3.673.237.160
Cộng	**6.748.257.983**	**5.522.490.269**

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	20.434.820.986	20.250.471.833
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	833.710.032	1.324.429.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.082.384.585	2.182.553.823
Thuế, phí và lệ phí	606.487.724	670.177.376
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.980.314.368	11.111.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.787.332.951	5.576.136.099
Chi phí bằng tiền khác	1.406.268.628	787.538.949
Cộng	**34.131.319.274**	**30.802.419.235**

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	88.123.216	-
Thu nhập khác	118.843.393	152.972.517
Cộng	**206.966.609**	**152.972.517**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

6.8. Chi phí khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	235.958.945
Phạt vi phạm hợp đồng	95.740.126	60.000.000
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	141.578.539	319.529.007
Chi phí khác	305.645.185	358.528.195
Cộng	**542.963.850**	**974.016.147**

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	224.758.730.924	216.182.797.774
Chi phí nhân công	117.231.794.694	76.069.604.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.787.728.217	3.299.836.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.163.455.409	20.726.686.811
Chi phí bằng tiền khác	8.355.558.554	5.882.509.927
Cộng	**365.297.267.798**	**322.161.435.389**

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.796.195.024	11.732.191.165
Cộng	**4.796.195.024**	**11.732.191.165**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	2.523.670.113	10.889.047.836
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	611.312.022	539.965.293
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC)	890.007.476	264.737.196
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park)	771.205.413	38.440.840
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.796.195.024**	**11.732.191.165**

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Chênh lệch tạm thời từ lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong năm	231.610.215	(231.610.215)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	46.322.043	(46.322.043)

6.12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.402.864.088	45.679.506.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.402.864.088	45.679.506.518
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	20.296.848	19.950.711
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.104	2.290

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020 (Cổ phiếu)	Năm 2019 (Cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.500.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	(49.289)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành (tái phát hành cổ phiếu quỹ)	123.699	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành (i)	673.149	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.296.848	19.950.711

(i) Theo Quyết định số 500/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết, tổng số lượng cổ phiếu Công ty phát hành để trả cổ tức năm 2019 (10%) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 là 1.949.995 cổ phần. Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ tương ứng số cổ phần này 19.499.950.000 đồng và tăng số vốn điều lệ của công ty lên 219.499.950.000 đồng trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

	Năm 2020 (Cổ phiếu)	Năm 2019 (Cổ phiếu)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	22.402.864.088	45.679.506.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.402.864.088	45.679.506.518
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.296.848	19.950.711
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (ii)	15.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**635**	**2.290**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác chưa chi	4.016.877.786	4.565.041.086
Kết chuyển xây dựng cơ bản sang chi phí trả trước	-	266.440.120
Kết chuyển xây dựng cơ bản sang phải thu khác là khoản chi hộ tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu	-	2.433.596.000
Lãi TGNH chưa thu	445.568.493	162.022.043
Lãi vay chưa trả	36.166.667	-

8. THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Theo Quyết định số 500/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc niêm yết và giao dịch cổ phiếu thay đổi niêm yết, tổng số lượng cổ phiếu Công ty phát hành để trả cổ tức năm 2019 (10%) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 là 1.949.995 cổ phần. Công ty đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ tương ứng số cổ phần này 19.499.950.000 đồng và tăng số vốn điều lệ của công ty lên 219.499.950.000 đồng trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

8.3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 06 năm 2020 về việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 02/2020/HVC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 15.000.000 cổ phiếu tương ứng 150.000.000.000 đồng và tăng vốn điều lệ của Công ty lên 369.499.950.000 đồng. Tại ngày 10 tháng 03 năm 2021 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Ngoài sự việc nêu trên, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.4. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	1.357.294.184	1.952.875.000
Cộng	**1.357.294.184**	**1.952.875.000**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Ông Lê Văn Cường		
Vay trong năm	-	7.228.000.000
Trả tiền vay trong năm	(8.000.000)	(7.220.000.000)
Chia lợi nhuận	-	42.268.681
Ông Trương Thanh Tùng		
Tạm ứng	300.000.000	-
Hoàn ứng	(327.209.793)	(102.373.200)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt như và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ông Trương Thanh Tùng	**-**	**27.209.793**
Tạm ứng	-	27.209.793
Cộng nợ phải thu	**-**	**27.209.793**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ông Lê Văn Cường	**-**	**50.268.681**
Phải trả tiền cổ tức	-	42.268.681
Phải trả tiền vay	-	8.000.000
Cộng nợ phải trả	**-**	**42.268.681**

8.5. Công cụ tài chính

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(iii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iv) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ra thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
31/12/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.182.296.893	-	5.182.296.893
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.800.000.000	-	14.800.000.000
Phải thu khách hàng	120.813.226.766	-	120.813.226.766
Các khoản phải thu khác	15.534.898.555	92.400.000	15.627.298.555
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.632.860.984)	-	(4.632.860.984)
Tổng cộng	**151.697.561.230**	**92.400.000**	**151.789.961.230**
31/12/2020			
Phải trả cho người bán	(58.446.452.188)	-	(58.446.452.188)
Phải trả khác	(7.390.627)	-	(7.390.627)
Chi phí phải trả	(116.166.667)	-	(116.166.667)
Vay và nợ thuê tài chính	(65.691.495.680)	-	(65.691.495.680)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(326.271.315)	-	(326.271.315)
Tổng cộng	**(124.587.776.477)**	-	**(124.587.776.477)**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**27.109.784.753**	**92.400.000**	**27.202.184.753**
01/01/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.683.297.361	-	76.683.297.361
Chứng khoán kinh doanh	28.922.750.000	-	28.922.750.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.300.000.000	-	4.300.000.000
Phải thu khách hàng	115.077.831.757	160.820.000	115.238.651.757
Các khoản phải thu khác	20.576.451.755	-	20.576.451.755
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(652.546.615)	-	(652.546.615)
Tổng cộng	244.907.784.258	160.820.000	245.068.604.258
01/01/2020			
Phải trả cho người bán	**(49.088.608.719)**	**-**	**(49.088.608.719)**
Phải trả khác	(43.200.555)	-	(43.200.555)
Chi phí phải trả	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Vay và nợ thuê tài chính	(8.000.000)	-	(8.000.000)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(492.938.567)	-	(492.938.567)
Tổng cộng	**(49.832.747.841)**	-	**(49.832.747.841)**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**195.075.036.417**	**160.820.000**	**195.235.856.417**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.182.296.893	76.683.297.361	5.182.296.893	76.683.297.361
Chứng khoán kinh doanh	-	28.922.750.000	-	28.922.750.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.800.000.000	4.300.000.000	14.800.000.000	4.300.000.000
Phải thu khách hàng	120.813.226.766	115.077.831.757	116.180.365.782	114.425.285.142
Các khoản phải thu khác	15.627.298.555	20.737.271.755	15.627.298.555	20.737.271.755
Tổng cộng	**156.422.822.214**	**245.721.150.874**	**151.789.961.230**	**245.068.604.258**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	58.446.452.188	49.088.608.719	58.446.452.188	49.088.608.719
Phải trả khác	7.390.627	43.200.555	7.390.627	43.200.555
Chi phí phải trả	116.166.667	200.000.000	116.166.667	200.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	65.691.495.680	8.000.000	65.691.495.680	8.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	326.271.315	492.938.567	326.271.315	492.938.567
Tổng cộng	**124.587.776.477**	**49.832.747.841**	**124.587.776.477**	**49.832.747.841**

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty đã được kiểm toán.

8.7. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 *Đơn vị tính: VNĐ*

8.8. Thông tin về bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại (bán hàng hóa); lĩnh vực thi công xây lắp bể bởi, hệ thống điện; lĩnh vực cho thuê văn phòng. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa, thành phẩm (VND)	Dịch vụ thi công lắp đặt (VND)	Dịch vụ khác (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	85.751.920.463	319.392.355.533	100.750.000	405.245.025.996
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(73.299.533.670)	(262.773.545.988)	-	(336.073.079.657)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	12.452.386.793	56.618.809.545	100.750.000	69.171.946.339
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(40.879.577.257)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				28.292.369.082
Doanh thu tài chính				1.506.562.228
Chi phí tài chính				(885.136.057)
Thu nhập khác				206.966.609
Chi phí khác				(542.963.850)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.796.195.024)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(46.322.043)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				23.735.280.944

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Trương Thị Kim Cúc	Vũ Thị Ngà	Đỗ Huy Cường